UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số : 81../GPXD

I. Cấp cho Công ty TNHH Đồ gia dụng Vĩnh Thái Việt Nam.

Địa chỉ: Lô 18,19, cụm A4 KCN Đồng Xoài III, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

II. Được phép xây dựng dự án: "Nhà máy sản xuất ghế xoay và phụ kiện ghế xoay với công suất 1.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 8.000 tấn sản phẩm/năm)"

Mật độ xây dựng: 55 %.

Tổng số công trình theo hồ sơ thiết kế cơ sở là 08 do Công Ty Cổ phần Tư Vấn ACC lập.

Vị trí xây dựng: Lô 18,19, cụm A4 KCN Đồng Xoài III, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Chỉ giới xây dựng :

- Cách 17m tính từ tim đường số 4.
- Cách 25,5m tính từ tim đường số 3B.

Nội dung và quy mô đầu tư công trình:

1. Nhà xưởng 1: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 02
- Diện tích xây dựng tầng 1: 48m x 100m = 4800m^2
- Diện tích xây dựng tầng 2: 48m x 100m = 4800m^2
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 4800m^2 + 4800m^2 = 9.600 m^2
- Chiều cao công trình: 15 m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000 cao hơn so với mặt sân hoàn thiện là 0,2m.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch cao 7m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

2. Nhà xưởng 2: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 01

Được quét bằng CamScanner

- Diện tích xây dựng: 48m x 80m = 3.840 m^2

- Chiều cao công trình: 13,6 m.

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000 cao hơn so với mặt sân hoàn thiện là 0,2m.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch cao 3m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

3. Nhà văn phòng: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng: 03

- Diện tích xây dựng tầng 1: (32m x 16m) + (8m x 5m) = 552m^2

- Diện tích xây dựng tầng 2: 32m x 16m = 512m^2

- Diện tích xây dựng tầng 3: 4m x 7m = 28m^2

- Tổng diện tích sàn xây dựng: 552m^2 + 512m^2 + 28m^2 = 1.092m^2

- Chiều cao công trình: 12,3 m.

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000 cao hơn so với mặt sân hoàn thiện là 0,3m.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

4. Bể PCCC, nhà xe, nhà ăn : 01 hạng mục

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình: Cấp III.

Trong đó:

* Bể PCCC (ở dưới nhà xe, nhà ăn)

- Diện tích xây dựng: 28,2m x 6m = 169,2m^2

- Thể tích xây dựng: 28,2m x 6m x 3m = 507,6m^3.

- Giải pháp kết cấu : Đáy, vách, nắp bể bằng Bê tông cốt thép

* Nhà xe, nhà ăn: (ở trên bể PCCC).

- Diện tích xây dựng: 34m x 6m = 204m^2.

- Số tầng: 02

- Chiều cao công trình: 6,1m.

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000 cao hơn so với mặt sân hoàn thiện là 0,12m.

- Giải pháp kết cấu : Nền bằng BTCT, khung kèo thép hình, mái lợp tole, không vách che.

5. Nhà bảo vệ: 01 nhà.

Được quét bằng CamScanner

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng: 01

- Diện tích xây dựng: 3m x 5m = $15m^2$

- Chiều cao công trình: 3,2 m.

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000 cao hơn so với mặt sân hoàn thiện là 0,2m.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, cột, mái bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; hệ thống cửa nhôm kính.

6. Nhà vệ sinh: 01 hạng mục.

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng: 01

- Diện tích xây dựng: 6m x 6m = $36m^2$

- Chiều cao công trình: 3,7m.

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000 thấp hơn so với mặt sân hoàn thiện là 0,2m.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; xà gồ thép, mái lợp tole, cửa nhôm kính.

7. Nhà rác: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng: 01

- Diện tích xây dựng: 4m x 6m = $24m^2$

- Chiều cao công trình: 3,7m.

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000 thấp hơn so với mặt sân hoàn thiện là 0,2m.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; xà gồ thép, mái lợp tole, cửa nhôm kính.

8. Nhà điện: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng: 01

- Diện tích xây dựng: 4m x 8m = $32m^2$

- Chiều cao công trình: 4,5m.

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000 thấp hơn so với mặt sân hoàn thiện là 0,2m.

Được quét bằng CamScanner

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; xà gồ thép, mái lợp tole, cửa nhôm kính.

* Ngoài ra: Công ty TNHH Đồ gia dụng Vĩnh Thái Việt Nam được phép xây dựng các hạng mục khác như: Hệ thống cấp điện; hệ thống cấp thoát nước; hệ thống PCCC, sân đường nội bộ, cổng, hàng rào.

III. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Diện tích 17.280,7m^2; Theo Hợp đồng thuê lại đất trong Khu công nghiệp số 05/HĐTĐ/KCNĐXIII.2019 giữa Công ty Cổ phần ĐTKD nhà Bình Phước và Công ty TNHH Đồ gia dụng Vĩnh Thái Việt Nam ngày 25/6/2019. (Được xem xét cấp Giấy phép xây dựng tại Công văn số 3893/UBND-SX ngày 18/12/2008 của UBND tỉnh).

IV. Ghi nhận công trình đã khởi công : Không.

V. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp. Quá thời hạn trên, Công ty TNHH năng lượng GPPD phải đề nghị gia hạn Giấy phép xây dựng./.

(Chủ đầu tư lưu ý xem những nội dung phải thực hiện ở mặt sau Giấy phép này).

Bình Phước, ngày 27 tháng 12 năm 2019

KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT.

Nguyễn Huy Hoàng

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ KINH DOANH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Đồng Xoài, ngày 22 tháng 03 năm 2023

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

(V/v: nghiệm thu xây dựng nhà xưởng tại dự án KCN Đồng Xoài III)

Hôm nay, vào lúc 09 giờ 00, ngày 22 tháng 03 năm 2023
Tại: Văn phòng Ban quản lý Khu Công Đồng Xoài III

I. Thành phần tham gia:

1. Đại diện: Công ty Cổ phần Đầu Tư Kinh Doanh Bình Phước.

1. Ông: Trần Hiếu Chức vụ: Chỉ Huy Trưởng.
2. Ông: Hà Văn Chiến Chức vụ: Cán bộ đo đạc
3. Ông: Huỳnh Ngọc Bắc Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật.

2. Đại diện: chi nhánh Công ty TNHH MTV công nghiệp thương mại xây dựng Đại Đình Phát.

1. Ông: Mai Xuân Kiên Chức vụ: Chỉ huy trưởng.
2. Ông: Trần Ngọc Thành Chức vụ: Giám sát công trình.

II. Nội dung: Hai bên cùng tiến hành nghiệm thu theo các hạng mục như sau:

1. Tọa độ ranh mốc, chỉ giới xây dựng đo thực tế:

Điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y
1	1273084.343	568037.540
2	1273084.361	568177.083
3	1273216.239	568037.524
4	1273209.576	568052.289
5	1273207.375	568068.454
6	1273207.533	568173.624
7	1273202.605	568177.050
8	1273122.312	568177.073
9	1273136.012	568177.069

Được quét bằng CamScanner

Kết luận: Không lấn chiếm vỉa hè và các lô nền bên cạnh *(có bản vẽ thể hiện đính kèm).*

2. Hệ thống đấu nối thoát nước mưa: 1 vị trí.

- Cao độ dòng chảy nhà máy: + 86.37

- Cao độ dòng chảy khu công nghiệp: + 85.47

- Chênh lệch: 0.9m > 0.2m

=> đạt yêu cầu.

3. Hệ thống đấu nối thoát nước thải: 1 vị trí.

- Đồng hồ đo lưu lượng: DN50 Komax

- Van nước thải: van D168 Bình Minh.

- Cao độ dòng chảy nhà máy: + 88.18

- Cao độ dòng chảy Khu công nghiệp: + 87.53

- Chênh lệch: 0.65m > 0.2m

=> đạt yêu cầu.

Hiện tại chưa có công nhân nhà máy nên không có nước thải để xét nghiệm mẫu nước thải.

4. Đấu nối giao thông: 1 vị trí.

Thi công theo đúng bản vẽ xin đấu nối giao thông. Đã tiến hành thí nghiệm kiểm tra độ chặt theo thiết kế.

K nền đất : K = 0.983

K nền đá : K = 0.987

Sắt Ø14 a150, Ø 12 a150

Bán kính cong R = 12m.

Trong quá trình thi công, thí nghiệm đã được ban quản lý khu công nghiệp kiểm tra và giám sát thực tế.

5. Các hạng mục xây dựng nằm ngoài giấy phép xây dựng: không có.

6. Lấp giếng khoan: không sử dụng giếng khoan.

Được quét bằng CamScanner

7. **Vệ sinh khu vực quanh dự án:** đảm bảo tiêu chuẩn ,phù hợp cảnh quang xung quanh nhà máy, không ảnh hưởng tới vệ sinh khu vực bên cạnh.
8. **Vấn đề vi phạm khi xây dựng:** vi phạm vệ sinh công ra vào (căn cứ theo biên bản vi phạm ngày 31/12/2020) → đã khắc phục trong ngày 31/12/2020.

III. Kết luận:

Tại lô 18 - 19, cụm A4, KCN Đồng Xoài III hiện tại chi nhánh Công ty TNHH MTV công nghiệp thương mại xây dựng Đại Đình Phát, đã thực hiện đúng theo chỉ giới xây dựng, đúng theo bản vẽ xin phép xây dựng không phát sinh thêm hạng mục nào nằm ngoài giấy phép xây dựng được cấp.

- Đấu nối nước mưa, đấu nối nước thải, đấu nối giao thông thực hiện đúng theo bản vẽ đã trình cho Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp.

Hiện chi nhánh Công ty TNHH MTV công nghiệp thương mại xây dựng Đại Đình Phát, đã hoàn thành xây dựng theo đúng quy định Khu Công Nghiệp.

Biên bản kết thúc vào lúc 15 giờ 00 phút cùng ngày, được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, đã đọc lại cho tất cả thành viên tham dự nghe và thống nhất nội dung.

Đại diện **Công ty Cổ phần Đầu Tư** **Kinh Doanh Bình Phước.**	**Đại diện** **Chi Nhánh Công ty TNHH** **MTV Công Nghiệp Thương** **Mại Xây Dựng Đại Đình Phát**
Trần Hải	KT mai xuân kiên

Được quét bằng CamScanner

SAO Y
Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước
Thời gian ký: 06/07/2021 14:14:55 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1753 /QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 05 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng và kinh doanh Khu công nghiệp Đồng Xoài III, diện tích 120,3 ha (thay đổi công nghệ xử lý nước thải và bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng và kinh doanh Khu công nghiệp Đồng Xoài III, diện tích 120,3 ha (thay đổi công nghệ xử lý nước thải và bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 119/KDNBP-2021 ngày 21/6/2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 469/TTr-STNMT ngày 01/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng và kinh doanh Khu công nghiệp Đồng Xoài III, diện tích 120,3 ha (thay đổi công nghệ xử lý nước thải và bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này thay thế Quyết định số 2945/QĐ-UBND ngày 09/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng và kinh doanh Khu công nghiệp Đồng Xoài III, diện tích 120,3 ha tại xã Tiến Hưng, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước làm chủ đầu tư.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài, Chủ tịch UBND xã Tiến Hưng, Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 6;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Minh

Phụ lục

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng và kinh doanh Khu công nghiệp Đồng Xoài III, diện tích 120,3 ha (thay đổi công nghệ xử lý nước thải và bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước làm chủ đầu tư

(Kèm theo Quyết định số 1753../QĐ-UBND ngày ..05../..7.../2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Xây dựng kết cấu hạ tầng và kinh doanh Khu công nghiệp Đồng Xoài III, diện tích 120,3 ha (thay đổi công nghệ xử lý nước thải và bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư).

1.2. Chủ Dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước.

Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3800369828 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 08/6/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 28/8/2019.

Trụ sở chính: Lô số 81, đường số 3A, Khu công nghiệp Đồng Xoài III, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc Thanh, chức danh: Tổng Giám đốc.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích khoảng 120,3 ha.

1.5. Tính chất của Dự án: Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Đất xây dựng nhà máy, đất kho tàng, đất điều hành và dịch vụ, đất kỹ thuật, đất giao thông và đất cây xanh.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:* Khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị thi công; bụi phát sinh trong quá trình đào móng, san nền; bụi từ bãi tập kết vật liệu của Dự án; bụi và khí thải từ máy móc thi công các hạng mục công trình; khí thải từ hoạt động cơ khí, hàn cắt kim loại; bụi từ quá trình chà nhám hoàn thiện công trình; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn xây dựng; chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Khí thải từ các hoạt động giao thông; khí thải từ quá trình đốt cháy nhiên liệu sản xuất; mùi, khí thải phát

sinh từ hệ thống xử lý nước thải, khu tập trung rác thải; nước thải sinh hoạt; nước thải công nghiệp; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Nước thải xây dựng:* Lưu lượng phát sinh khoảng 0,24 m^3/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng phát sinh khoảng 1,6 m^3/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD_5, TSS, tổng chất rắn hòa tan, amoni, nitrat (NO_3^-), sunfat, dầu mỡ động thực vật, phốt phát (PO_4^{3-}), coliforms.

2.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của chủ hạ tầng:* Lưu lượng khoảng 2,75 m^3/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD_5, COD, chất rắn lơ lửng, nitơ tổng, photpho tổng, SO_4^{2-}, dầu mỡ khoáng, tổng coliform.

- *Nước thải sinh hoạt từ các Công ty thứ cấp:* Lưu lượng khoảng 2.197,25 m^3/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD_5, COD, chất rắn lơ lửng, nitơ tổng, photpho tổng, SO_4^{2-}, dầu mỡ khoáng, tổng coliform.

- *Nước thải công nghiệp từ các Công ty thứ cấp:* Lưu lượng khoảng 793,32 m^3/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: pH, nhiệt độ, COD, BOD, TSS, tổng nitơ, tổng photpho, độ màu, dầu mỡ…

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị thi công:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO_2, NO_2, CO, VOC.

- *Bụi phát sinh trong quá trình đào móng, san nền:* Tải lượng bụi phát sinh khoảng 0,011 g/s.

- *Bụi từ bãi tập kết vật liệu của Dự án:* Nồng độ bụi phát sinh khoảng 0,2 mg/m^3.

- *Bụi, khí thải từ máy móc thi công các hạng mục công trình:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO_2, NO_x, CO.

- *Bụi, khí thải từ các hoạt động cơ khí trong quá trình xây dựng:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Khói hàn, CO, NO_x.

- *Bụi từ quá trình chà nhám hoàn thiện công trình:* Tải lượng bụi phát sinh khoảng 0,000413 g/s.

2.3.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Khí thải từ các hoạt động giao thông trong Dự án:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, CO, SO_2, NO_x, VOC.

- *Bụi, khí thải từ quá trình hoạt động của các Công ty thứ cấp:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO_2, NO_2, SO_3, CO, VOC, H_2S…

- Mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải và tuyến cống thu gom: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Mercaptan, CH_3SH, H_2S, NH_3...

- Mùi phát sinh từ quá trình phân hủy rác sinh hoạt tại khu tập trung rác thải: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: H_2S, NH_3, CH_4.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- Chất thải rắn xây dựng: Phát sinh khoảng 0,25 tấn/ngày, chủ yếu gạch vụn, đá thải, bao bì xi măng, sắt thép vụn...

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 16 kg/ngày; thành phần chủ yếu có chứa 70% – 80% chất hữu cơ và 20% – 30% các chất khác.

2.4.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của chủ hạ tầng: Phát sinh khoảng 15 - 25 kg/ngày; thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm các loại chất khác nhau như: Giấy bìa, chất hữu cơ dễ phân hủy, thủy tinh, chất dẻo, kim loại, chất sợi...

- Chất thải rắn sinh hoạt từ các Công ty thứ cấp: Phát sinh khoảng 11,99 – 19,98 tấn/ngày, thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm các loại chất khác nhau như: Giấy bìa, chất hữu cơ dễ phân hủy, thủy tinh, chất dẻo, kim loại, chất sợi...

- Chất thải rắn sản xuất thông thường từ các Công ty thứ cấp: Phát sinh khoảng 12,03 tấn/ngày; thành phần bao gồm: Trấu, cám, thùng giấy, vỏ chai, da vụn, bao bì hư hỏng, vải vụn, đầu chỉ, sợi phế thải, cặn bã nhựa, kim loại...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn xây dựng: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 64 kg/02 tháng bao gồm các loại chất thải như: Giẻ lau dính dầu nhớt; thùng chứa dầu nhớt thải; dầu nhớt thải; que hàn thải; phế liệu kim loại nhiễm thành phần nguy hại.

2.5.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của chủ hạ tầng:

Phát sinh khoảng 400 kg/năm bao gồm các loại chất thải như: Bóng đèn huỳnh quang thải; pin thải từ các dụng cụ dùng pin; thiết bị điện tử thải; hộp mực in thải; dầu nhớt thải; bao bì mềm thải (thuốc bảo vệ thực vật); bao bì cứng thải bằng kim loại (bình diệt côn trùng); bao bì cứng thải bằng nhựa (thuốc bảo vệ thực vật, bình thuốc tẩy...).

Đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước thải, Chủ Dự án tiến hành phân tích thành phần nguy hại có trong bùn.Trường hợp kết quả phân tích vượt ngưỡng nguy hại theo quy định tại QCVN 50:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước, Chủ Dự án phải quản lý lượng bùn thải này theo đúng quy định về chất thải nguy hại. Trường hợp kết quả phân tích không vượt ngưỡng nguy hại, Chủ Dự án phải quản lý lượng bùn thải này theo đúng quy định về chất thải rắn thông thường.

- *Chất thải nguy hại từ các Công ty thứ cấp:* Ước tính khoảng 6,015 tấn/ngày bao gồm các loại chất thải như: Bóng đèn huỳnh quang thải; pin thải từ các dụng cụ dùng pin; thiết bị điện tử thải; hộp mực in thải; dầu nhớt thải...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:* Nước thải xây dựng được thu gom vào bể lắng cát và tách dầu, dung tích 0.5 m^3, cấu tạo: lót bạt HDPE, sau đó đấu nối về module 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, công suất 1.000 m^3/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn, dung tích 09 m^3, sau đó đấu nối về module 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, công suất 1.000 m^3/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải sinh hoạt và nước thải xây dựng sau khi xử lý sơ bộ phải đấu nối về module 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, công suất 1.000 m^3/ngày.đêm để xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

3.1.3. Trong giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của chủ hạ tầng:* Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý. Chủ Dự án xây dựng 02 bể tự hoại với tổng dung tích là 15 m^3, trong đó: 01 bể tự hoại dung tích 06 m^3 tại khu nhà điều hành và 01 bể tự hoại dung tích 09 m^3 tại trạm xử lý nước thải.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ các Công ty thứ cấp:*

Nước thải từ các Công ty thứ cấp sau khi xử lý sơ bộ tại các Công ty thứ cấp được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để tiếp tục xử lý. Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với tổng công suất 4.000 m^3/ngày.đêm, chia làm 04 module, mỗi module công suất 1.000 m^3/ngày.đêm và có cùng quy trình công nghệ. Giai đoạn đầu, Chủ Dự án xây dựng module 01 với công suất 1.000 m^3/ngày.đêm. Khi lượng nước thải bằng 85% công suất của module 01, Chủ Dự án tiến hành xây dựng module 02. Khi lượng nước thải bằng 85% công suất của module 02, Chủ Dự án tiến hành xây dựng module 03 và tương tự đối với module 04.

Quy trình xử lý nước thải của một module như sau: Nước thải → Hố thu → Bể điều hòa → Thiết bị khuấy trộn tĩnh → Thiết bị phản ứng tạo bông → Bể lắng → Bể vi sinh G.SBR^{1st} → Bể khử trùng → Trạm quan trắc → Nước thải đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (k_q = 0,9; k_f = 1,0), sau đó thải ra suối Song Rinh.

Kích thước các công trình xử lý nước thải của một module như sau:

STT	Công trình	Kích thước (m) (dài x rộng x sâu)	Thể tích/bể (m^3)	Số lượng	Vật liệu xây dựng	Ghi chú
1	Hố thu	4,05 x 3,5 x 6,5	92,14	01	Bê tông cốt thép, chống thấm	Cứ 02 module dùng chung 01 hố thu
2	Bể điều hòa	12,6 x 8,0 x 4,0	403,2	01	Bê tông cốt thép, chống thấm	
3	Bể lắng	8,0 x 8,0 x 4,0	256	01	Bê tông cốt thép, chống thấm	
4	Bể vi sinh G.SBR[1st]	37,35 x 10,95 x 4,5	1.840	01	Bê tông cốt thép, chống thấm	
5	Bể khử trùng	8,0 x 3,0 x 3,5	84	01	Bê tông cốt thép, chống thấm	
6	Hồ sự cố	32 x 17 x 4,0	2.176	01	Bê tông cốt thép, chống thấm	
7	Sân phơi bùn	8,3 x 2,6 x 1,5	32,37	01	Bê tông cốt thép, chống thấm	

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải phát sinh từ Dự án phải được thu gom, xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với $k_q = 0,9$; $k_f = 1,0$ trước khi thải ra suối Song Rinh. Chủ Dự án phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi đưa Dự án vào vận hành. Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục gồm: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, chất rắn lơ lửng, COD, amoni.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển vật liệu thi công:* Phân bố mật độ xe ra, vào chuyên chở nguyên vật liệu, đất dư phù hợp, tránh ùn tắc gây ô nhiễm khói bụi cho khu vực; các xe vận tải phải được phủ kín, tránh rơi vãi đất, đá, cát ra đường; đảm bảo vận chuyển đúng tải trọng; vệ sinh xe trước khi ra khỏi công trường…

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải tại khu vực thi công*: Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, máy móc thiết bị mới, hiện đại, cơ giới hóa các thao tác và quá trình thi công ở mức tối đa; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; khu vực thi công xây dựng được che chắn xung quanh bằng tôn, bạt và hàng rào bảo vệ công trình…

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ hoạt động hàn cơ khí:* Lựa chọn máy hàn có đủ công suất, phù hợp với các chi tiết của công tác xây dựng; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân…

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT

– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của chủ hạ tầng: Đảm bảo bố trí diện tích cây xanh tối thiểu đạt 10% tổng diện tích thực hiện Dự án; khu vực chứa rác có mái che; bố trí các thùng thu gom rác ở các khu vực công cộng, không để rác thải tràn lan, bừa bãi trên đường; hố thu của hệ thống xử lý nước thải được bố trí nắp đậy; định kỳ vệ sinh, khai thông đường cống, vét bùn…

- Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các Công ty thứ cấp: Các Công ty thứ cấp khi đầu tư vào Khu công nghiệp phải thực hiện các thủ tục về môi trường theo đúng quy định; đồng thời, phải đảm bảo xử lý bụi, khí thải phát sinh từ các nhà máy đảm bảo đạt các quy chuẩn theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường và các quy định hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng: Các loại chất thải như đất, đá, cát thải…được tận dụng để san lấp mặt bằng trong quá trình thi công; các loại chất thải rắn khác được Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt: Chủ Dự án trang bị thùng chứa rác HDPE, dung tích 120 lít, bố trí tại công trường để chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh từ các hoạt động của chủ hạ tầng: Chủ Dự án trang bị các thùng chứa rác, dung tích từ 120 lít - 240 lít để thu gom và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn sản xuất thông thường từ các Công ty thứ cấp: Các Công ty thứ cấp khi đầu tư vào Khu công nghiệp phải thực hiện các thủ tục về môi trường theo đúng quy định;

đồng thời, phải đảm bảo quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh từ các nhà máy theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:* Thu gom, phân loại chất thải nguy hại vào các thùng chứa HDPE, dung tích từ 120 lít - 200 lít, có nắp đậy, dán nhãn, lưu chứa tạm tại nhà kho chất thải nguy hại với diện tích khoảng 16 m^2, kết cấu: nền bê tông xi măng, tường gạch, mái lợp tôn. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của chủ hạ tầng:* Thu gom, phân loại chất thải nguy hại vào các thùng chứa HDPE, có nắp đậy, dán nhãn, lưu chứa tạm tại nhà kho chất thải nguy hại với diện tích khoảng 16 m^2, kết cấu: nền bê tông xi măng, tường gạch, mái lợp tôn... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại từ các Công ty thứ cấp:* Các Công ty thứ cấp khi đầu tư vào Khu công nghiệp phải thực hiện các thủ tục về môi trường theo đúng quy định; đồng thời, phải đảm bảo quản lý chất thải nguy hại phát sinh từ các nhà máy theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, rung:* Lựa chọn nhà thầu xây dựng có các phương tiện, thiết bị và phương pháp thi công hiện đại, khả năng phát

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

5.3. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

5.3.1. Giám sát nước thải:

*** Giám sát định kỳ:**

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại đầu vào và 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, độ màu, pH, COD, BOD, SS, tổng nitơ, tổng photpho, dầu mỡ, coliform, E.Coli, nitrat, phốt phát, As, Hg, Pb, Cd, Cr^{3+}, Cr^{6+}, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số $k_q = 0,9$; $k_f = 1,0$.

*** Giám sát nước thải tự động, liên tục:**

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, chất rắn lơ lửng, COD, amoni.

- *Tần suất giám sát:* Liên tục (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Phước theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số $k_q = 0,9$; $k_f = 1,0$.

5.3.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.3.3. Giám sát chất lượng nước mặt:

- *Vị trí giám sát*: 01 điểm tại suối Song Rinh.

- *Thông số giám sát:* pH, DO, TSS, COD, BOD_5, nitrat, amoni, photphat, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột A_2, QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác: Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Chỉ tiếp nhận vào Khu công nghiệp các Dự án đầu tư thuộc những ngành nghề như đã đăng ký trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Trường hợp có nguyện vọng thu hút các Dự án thuộc những ngành nghề khác với ngành nghề đăng ký trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt vào Khu công nghiệp, Chủ Dự án phải báo cáo UBND tỉnh Bình Phước và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Bình Phước.

6.2. Phải xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải riêng biệt. Đối với các dự án thứ cấp đầu tư vào Khu công nghiệp, nước thải phải được thu gom, xử lý đảm bảo theo quy định trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

6.3. Phải bố trí hồ dự phòng sự cố có khả năng lưu chứa nước thải tối thiểu là 02 ngày hoặc hồ sự cố có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy định tại khoản 19 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.4. Thực hiện phân khu chức năng và trồng cây xanh trong Khu công nghiệp như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.5. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố hệ thống xử lý nước thải, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

6.6. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, nếu có các sự cố về môi trường phải thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường biết để xử lý.

6.7. Định kỳ thực hiện Chương trình giám sát chất lượng môi trường và công tác thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo đúng nội dung đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

6.8. Thực hiện nghiêm túc những nội dung về quản lý và bảo vệ môi trường Khu công nghiệp theo đúng quy định tại Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày

30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

6.9. Các dự án thứ cấp đầu tư vào Khu công nghiệp phải thực hiện các thủ tục về môi trường theo đúng quy định.

6.10. Chủ Dự án phải thực hiện các thủ tục để được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định.

6.11. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 241 ngày 06/5/2021 của UBND xã Tiến Hưng về việc ý kiến tham vấn về Dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng và kinh doanh Khu công nghiệp Đồng Xoài III, diện tích 120,3 ha (thay đổi công nghệ xử lý nước thải và bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 06/5/2021 tại phòng họp UBND xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

6.12. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6.13. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt Chủ Dự án phải có trách nhiệm lập kế hoạch vận hành thử nghiệm và hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.14. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.

SAO Y
Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước
Thời gian ký: 06/07/2021 14:14:55 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1753 /QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 05 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng và kinh doanh Khu công nghiệp Đồng Xoài III, diện tích 120,3 ha (thay đổi công nghệ xử lý nước thải và bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng và kinh doanh Khu công nghiệp Đồng Xoài III, diện tích 120,3 ha (thay đổi công nghệ xử lý nước thải và bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 119/KDNBP-2021 ngày 21/6/2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 469/TTr-STNMT ngày 01/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng và kinh doanh Khu công nghiệp Đồng Xoài III, diện tích 120,3 ha (thay đổi công nghệ xử lý nước thải và bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này thay thế Quyết định số 2945/QĐ-UBND ngày 09/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng và kinh doanh Khu công nghiệp Đồng Xoài III, diện tích 120,3 ha tại xã Tiến Hưng, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước làm chủ đầu tư.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài, Chủ tịch UBND xã Tiến Hưng, Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 6;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Minh

Phụ lục

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng và kinh doanh Khu công nghiệp Đồng Xoài III, diện tích 120,3 ha (thay đổi công nghệ xử lý nước thải và bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước làm chủ đầu tư

(Kèm theo Quyết định số 1753../QĐ-UBND ngày ..05. /..7.../2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Xây dựng kết cấu hạ tầng và kinh doanh Khu công nghiệp Đồng Xoài III, diện tích 120,3 ha (thay đổi công nghệ xử lý nước thải và bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư).

1.2. Chủ Dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước.

Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3800369828 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 08/6/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 28/8/2019.

Trụ sở chính: Lô số 81, đường số 3A, Khu công nghiệp Đồng Xoài III, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc Thanh, chức danh: Tổng Giám đốc.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích khoảng 120,3 ha.

1.5. Tính chất của Dự án: Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Đất xây dựng nhà máy, đất kho tàng, đất điều hành và dịch vụ, đất kỹ thuật, đất giao thông và đất cây xanh.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án: Khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị thi công; bụi phát sinh trong quá trình đào móng, san nền; bụi từ bãi tập kết vật liệu của Dự án; bụi và khí thải từ máy móc thi công các hạng mục công trình; khí thải từ hoạt động cơ khí, hàn cắt kim loại; bụi từ quá trình chà nhám hoàn thiện công trình; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn xây dựng; chất thải nguy hại.

- Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Khí thải từ các hoạt động giao thông; khí thải từ quá trình đốt cháy nhiên liệu sản xuất; mùi, khí thải phát

sinh từ hệ thống xử lý nước thải, khu tập trung rác thải; nước thải sinh hoạt; nước thải công nghiệp; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Nước thải xây dựng:* Lưu lượng phát sinh khoảng 0,24 m^3/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng phát sinh khoảng 1,6 m^3/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD_5, TSS, tổng chất rắn hòa tan, amoni, nitrat (NO_3^-), sunfat, dầu mỡ động thực vật, phốt phát (PO_4^{3-}), coliforms.

2.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của chủ hạ tầng:* Lưu lượng khoảng 2,75 m^3/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD_5, COD, chất rắn lơ lửng, nitơ tổng, photpho tổng, SO_4^{2-}, dầu mỡ khoáng, tổng coliform.

- *Nước thải sinh hoạt từ các Công ty thứ cấp:* Lưu lượng khoảng 2.197,25 m^3/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD_5, COD, chất rắn lơ lửng, nitơ tổng, photpho tổng, SO_4^{2-}, dầu mỡ khoáng, tổng coliform.

- *Nước thải công nghiệp từ các Công ty thứ cấp:* Lưu lượng khoảng 793,32 m^3/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: pH, nhiệt độ, COD, BOD, TSS, tổng nitơ, tổng photpho, độ màu, dầu mỡ…

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị thi công:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO_2, NO_2, CO, VOC.

- *Bụi phát sinh trong quá trình đào móng, san nền:* Tải lượng bụi phát sinh khoảng 0,011 g/s.

- *Bụi từ bãi tập kết vật liệu của Dự án:* Nồng độ bụi phát sinh khoảng 0,2 mg/m^3.

- *Bụi, khí thải từ máy móc thi công các hạng mục công trình:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO_2, NO_x, CO.

- *Bụi, khí thải từ các hoạt động cơ khí trong quá trình xây dựng:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Khói hàn, CO, NO_x.

- *Bụi từ quá trình chà nhám hoàn thiện công trình:* Tải lượng bụi phát sinh khoảng 0,000413 g/s.

2.3.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Khí thải từ các hoạt động giao thông trong Dự án:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, CO, SO_2, NO_x, VOC.

- *Bụi, khí thải từ quá trình hoạt động của các Công ty thứ cấp:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO_2, NO_2, SO_3, CO, VOC, H_2S…

- Mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải và tuyến cống thu gom: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Mercaptan, CH_3SH, H_2S, NH_3...

- Mùi phát sinh từ quá trình phân hủy rác sinh hoạt tại khu tập trung rác thải: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: H_2S, NH_3, CH_4.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- Chất thải rắn xây dựng: Phát sinh khoảng 0,25 tấn/ngày, chủ yếu gạch vụn, đá thải, bao bì xi măng, sắt thép vụn…

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 16 kg/ngày; thành phần chủ yếu có chứa 70% – 80% chất hữu cơ và 20% – 30% các chất khác.

2.4.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của chủ hạ tầng: Phát sinh khoảng 15 - 25 kg/ngày; thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm các loại chất khác nhau như: Giấy bìa, chất hữu cơ dễ phân hủy, thủy tinh, chất dẻo, kim loại, chất sợi…

- Chất thải rắn sinh hoạt từ các Công ty thứ cấp: Phát sinh khoảng 11,99 – 19,98 tấn/ngày, thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm các loại chất khác nhau như: Giấy bìa, chất hữu cơ dễ phân hủy, thủy tinh, chất dẻo, kim loại, chất sợi…

- Chất thải rắn sản xuất thông thường từ các Công ty thứ cấp: Phát sinh khoảng 12,03 tấn/ngày; thành phần bao gồm: Trấu, cám, thùng giấy, vỏ chai, da vụn, bao bì hư hỏng, vải vụn, đầu chỉ, sợi phế thải, cặn bã nhựa, kim loại…

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn xây dựng: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 64 kg/02 tháng bao gồm các loại chất thải như: Giẻ lau dính dầu nhớt; thùng chứa dầu nhớt thải; dầu nhớt thải; que hàn thải; phế liệu kim loại nhiễm thành phần nguy hại.

2.5.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của chủ hạ tầng:

Phát sinh khoảng 400 kg/năm bao gồm các loại chất thải như: Bóng đèn huỳnh quang thải; pin thải từ các dụng cụ dùng pin; thiết bị điện tử thải; hộp mực in thải; dầu nhớt thải; bao bì mềm thải (thuốc bảo vệ thực vật); bao bì cứng thải bằng kim loại (bình diệt côn trùng); bao bì cứng thải bằng nhựa (thuốc bảo vệ thực vật, bình thuốc tẩy…).

Đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước thải, Chủ Dự án tiến hành phân tích thành phần nguy hại có trong bùn.Trường hợp kết quả phân tích vượt ngưỡng nguy hại theo quy định tại QCVN 50:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước, Chủ Dự án phải quản lý lượng bùn thải này theo đúng quy định về chất thải nguy hại. Trường hợp kết quả phân tích không vượt ngưỡng nguy hại, Chủ Dự án phải quản lý lượng bùn thải này theo đúng quy định về chất thải rắn thông thường.

- *Chất thải nguy hại từ các Công ty thứ cấp:* Ước tính khoảng 6,015 tấn/ngày bao gồm các loại chất thải như: Bóng đèn huỳnh quang thải; pin thải từ các dụng cụ dùng pin; thiết bị điện tử thải; hộp mực in thải; dầu nhớt thải...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:* Nước thải xây dựng được thu gom vào bể lắng cát và tách dầu, dung tích 0,5 m^3, cấu tạo: lót bạt HDPE, sau đó đấu nối về module 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, công suất 1.000 m^3/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn, dung tích 09 m^3, sau đó đấu nối về module 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, công suất 1.000 m^3/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải sinh hoạt và nước thải xây dựng sau khi xử lý sơ bộ phải đấu nối về module 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, công suất 1.000 m^3/ngày.đêm để xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

3.1.3. Trong giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của chủ hạ tầng:* Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý. Chủ Dự án xây dựng 02 bể tự hoại với tổng dung tích là 15 m^3, trong đó: 01 bể tự hoại dung tích 06 m^3 tại khu nhà điều hành và 01 bể tự hoại dung tích 09 m^3 tại trạm xử lý nước thải.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ các Công ty thứ cấp:*

Nước thải từ các Công ty thứ cấp sau khi xử lý sơ bộ tại các Công ty thứ cấp được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để tiếp tục xử lý. Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với tổng công suất 4.000 m^3/ngày.đêm, chia làm 04 module, mỗi module công suất 1.000 m^3/ngày.đêm và có cùng quy trình công nghệ. Giai đoạn đầu, Chủ Dự án xây dựng module 01 với công suất 1.000 m^3/ngày.đêm. Khi lượng nước thải bằng 85% công suất của module 01, Chủ Dự án tiến hành xây dựng module 02. Khi lượng nước thải bằng 85% công suất của module 02, Chủ Dự án tiến hành xây dựng module 03 và tương tự đối với module 04.

Quy trình xử lý nước thải của một module như sau: Nước thải → Hố thu → Bể điều hòa → Thiết bị khuấy trộn tĩnh → Thiết bị phản ứng tạo bông → Bể lắng → Bể vi sinh $G.SBR^{1st}$ → Bể khử trùng → Trạm quan trắc → Nước thải đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (k_q = 0,9; k_f = 1,0), sau đó thải ra suối Song Rinh.

Kích thước các công trình xử lý nước thải của một module như sau:

STT	Công trình	Kích thước (m) (dài x rộng x sâu)	Thể tích/bể (m^3)	Số lượng	Vật liệu xây dựng	Ghi chú
1	Hố thu	4,05 x 3,5 x 6,5	92,14	01	Bê tông cốt thép, chống thấm	Cứ 02 module dùng chung 01 hố thu
2	Bể điều hòa	12,6 x 8,0 x 4,0	403,2	01	Bê tông cốt thép, chống thấm	
3	Bể lắng	8,0 x 8,0 x 4,0	256	01	Bê tông cốt thép, chống thấm	
4	Bể vi sinh $G.SBR^{1st}$	37,35 x 10,95 x 4,5	1.840	01	Bê tông cốt thép, chống thấm	
5	Bể khử trùng	8,0 x 3,0 x 3,5	84	01	Bê tông cốt thép, chống thấm	
6	Hồ sự cố	32 x 17 x 4,0	2.176	01	Bê tông cốt thép, chống thấm	
7	Sân phơi bùn	8,3 x 2,6 x 1,5	32,37	01	Bê tông cốt thép, chống thấm	

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải phát sinh từ Dự án phải được thu gom, xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với $k_q = 0,9$; $k_f = 1,0$ trước khi thải ra suối Song Rinh. Chủ Dự án phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi đưa Dự án vào vận hành. Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục gồm: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, chất rắn lơ lửng, COD, amoni.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển vật liệu thi công:* Phân bố mật độ xe ra, vào chuyên chở nguyên vật liệu, đất dư phù hợp, tránh ùn tắc gây ô nhiễm khói bụi cho khu vực; các xe vận tải phải được phủ kín, tránh rơi vãi đất, đá, cát ra đường; đảm bảo vận chuyển đúng tải trọng; vệ sinh xe trước khi ra khỏi công trường…

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải tại khu vực thi công*: Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, máy móc thiết bị mới, hiện đại, cơ giới hóa các thao tác và quá trình thi công ở mức tối đa; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; khu vực thi công xây dựng được che chắn xung quanh bằng tôn, bạt và hàng rào bảo vệ công trình…

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ hoạt động hàn cơ khí:* Lựa chọn máy hàn có đủ công suất, phù hợp với các chi tiết của công tác xây dựng; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân…

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT

– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của chủ hạ tầng: Đảm bảo bố trí diện tích cây xanh tối thiểu đạt 10% tổng diện tích thực hiện Dự án; khu vực chứa rác có mái che; bố trí các thùng thu gom rác ở các khu vực công cộng, không để rác thải tràn lan, bừa bãi trên đường; hố thu của hệ thống xử lý nước thải được bố trí nắp đậy; định kỳ vệ sinh, khai thông đường cống, vét bùn…

- Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các Công ty thứ cấp: Các Công ty thứ cấp khi đầu tư vào Khu công nghiệp phải thực hiện các thủ tục về môi trường theo đúng quy định; đồng thời, phải đảm bảo xử lý bụi, khí thải phát sinh từ các nhà máy đảm bảo đạt các quy chuẩn theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường và các quy định hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng: Các loại chất thải như đất, đá, cát thải…được tận dụng để san lấp mặt bằng trong quá trình thi công; các loại chất thải rắn khác được Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt: Chủ Dự án trang bị thùng chứa rác HDPE, dung tích 120 lít, bố trí tại công trường để chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh từ các hoạt động của chủ hạ tầng: Chủ Dự án trang bị các thùng chứa rác, dung tích từ 120 lít - 240 lít để thu gom và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn sản xuất thông thường từ các Công ty thứ cấp: Các Công ty thứ cấp khi đầu tư vào Khu công nghiệp phải thực hiện các thủ tục về môi trường theo đúng quy định;

đồng thời, phải đảm bảo quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh từ các nhà máy theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:* Thu gom, phân loại chất thải nguy hại vào các thùng chứa HDPE, dung tích từ 120 lít - 200 lít, có nắp đậy, dán nhãn, lưu chứa tạm tại nhà kho chất thải nguy hại với diện tích khoảng 16 m^2, kết cấu: nền bê tông xi măng, tường gạch, mái lợp tôn. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của chủ hạ tầng:* Thu gom, phân loại chất thải nguy hại vào các thùng chứa HDPE, có nắp đậy, dán nhãn, lưu chứa tạm tại nhà kho chất thải nguy hại với diện tích khoảng 16 m^2, kết cấu: nền bê tông xi măng, tường gạch, mái lợp tôn... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại từ các Công ty thứ cấp:* Các Công ty thứ cấp khi đầu tư vào Khu công nghiệp phải thực hiện các thủ tục về môi trường theo đúng quy định; đồng thời, phải đảm bảo quản lý chất thải nguy hại phát sinh từ các nhà máy theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, rung:* Lựa chọn nhà thầu xây dựng có các phương tiện, thiết bị và phương pháp thi công hiện đại, khả năng phát

sinh ồn thấp; không sử dụng máy móc, thiết bị thi công quá cũ, gây tiếng ồn lớn; thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng thiết bị, bộ phận giảm âm, giảm chấn; bố trí thời gian hoạt động hợp lý;

- *Biện pháp giảm thiểu tác động đến tình hình an ninh, trật tự xã hội trong khu vực:* Tận dụng tối đa nguồn lao động tại địa phương; xây dựng nội quy công trường; kết hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Hiện đại hóa thiết bị; thiết kế các bộ phận giảm âm tại các máy móc có khả năng gây ồn; kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ bôi trơn hoặc thay mới những chi tiết hư hỏng; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội:* Phối hợp với chủ đầu tư các Công ty thứ cấp tại Khu công nghiệp ưu tiên tuyển dụng các lao động tại địa phương; phối hợp với địa phương trong quản lý hành chính công nhân tại khu lưu trú...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố hóa chất:* Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo các quy định hiện hành.

- *Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:* Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; xử lý nước thải đúng công suất thiết kế; vận hành và bảo trì máy móc, thiết bị một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; lập hồ sơ theo dõi sự ổn định của hệ thống; trang bị dự phòng các máy móc, thiết bị có khả năng hư hỏng thường xuyên; nhân viên vận hành xử lý nước thải được tập huấn về chương trình vận hành và bảo dưỡng của hệ thống...

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Các công trình bảo vệ môi trường chính sẽ được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom và xử lý nước thải.

- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.

- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.

- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí khu vực thi công:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại vị trí xây dựng.

- *Thông số giám sát:* Bụi, tiếng ồn, NO_x, SO_2, CO.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại đầu vào và 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, độ màu, pH, COD, BOD, SS, tổng nitơ, tổng photpho, dầu mỡ, coliform, E.Coli, nitrat, phốt phát, As, Hg, Pb, Cd, Cr^{3+}, Cr^{6+}, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số $k_q = 0,9$; $k_f = 1,0$.

5.1.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

5.3. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

5.3.1. Giám sát nước thải:

*** Giám sát định kỳ:**

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại đầu vào và 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, độ màu, pH, COD, BOD, SS, tổng nitơ, tổng photpho, dầu mỡ, coliform, E.Coli, nitrat, phốt phát, As, Hg, Pb, Cd, Cr^{3+}, Cr^{6+}, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số $k_q = 0,9$; $k_f = 1,0$.

*** Giám sát nước thải tự động, liên tục:**

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, chất rắn lơ lửng, COD, amoni.

- *Tần suất giám sát:* Liên tục (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Phước theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số $k_q = 0,9$; $k_f = 1,0$.

5.3.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.3.3. Giám sát chất lượng nước mặt:

- *Vị trí giám sát*: 01 điểm tại suối Song Rinh.

- *Thông số giám sát:* pH, DO, TSS, COD, BOD_5, nitrat, amoni, photphat, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột A_2, QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác: Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Chỉ tiếp nhận vào Khu công nghiệp các Dự án đầu tư thuộc những ngành nghề như đã đăng ký trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Trường hợp có nguyện vọng thu hút các Dự án thuộc những ngành nghề khác với ngành nghề đăng ký trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt vào Khu công nghiệp, Chủ Dự án phải báo cáo UBND tỉnh Bình Phước và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Bình Phước.

6.2. Phải xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải riêng biệt. Đối với các dự án thứ cấp đầu tư vào Khu công nghiệp, nước thải phải được thu gom, xử lý đảm bảo theo quy định trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

6.3. Phải bố trí hồ dự phòng sự cố có khả năng lưu chứa nước thải tối thiểu là 02 ngày hoặc hồ sự cố có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy định tại khoản 19 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.4. Thực hiện phân khu chức năng và trồng cây xanh trong Khu công nghiệp như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.5. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố hệ thống xử lý nước thải, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

6.6. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, nếu có các sự cố về môi trường phải thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường biết để xử lý.

6.7. Định kỳ thực hiện Chương trình giám sát chất lượng môi trường và công tác thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo đúng nội dung đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

6.8. Thực hiện nghiêm túc những nội dung về quản lý và bảo vệ môi trường Khu công nghiệp theo đúng quy định tại Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày

30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

6.9. Các dự án thứ cấp đầu tư vào Khu công nghiệp phải thực hiện các thủ tục về môi trường theo đúng quy định.

6.10. Chủ Dự án phải thực hiện các thủ tục để được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định.

6.11. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 241 ngày 06/5/2021 của UBND xã Tiến Hưng về việc ý kiến tham vấn về Dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng và kinh doanh Khu công nghiệp Đồng Xoài III, diện tích 120,3 ha (thay đổi công nghệ xử lý nước thải và bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 06/5/2021 tại phòng họp UBND xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

6.12. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6.13. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt Chủ Dự án phải có trách nhiệm lập kế hoạch vận hành thử nghiệm và hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.14. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 803 /UBND-KT V/v bổ sung ngành nghề đầu tư vào Khu công nghiệp Đồng Xoài III	*Bình Phước, ngày 05 tháng 4 năm 2019*

Kính gửi:
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- Sở Xây dựng;
- Công ty CP ĐT KD Nhà Bình Phước.

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 399/STNMT-CCBVMT ngày 05/3/2019 và Công văn số 575/STNMT-CCBVMT ngày 5/3/2019 về việc bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp Đồng Xoài III, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến:

1. Chấp thuận tiếp nhận vào Khu công nghiệp Đồng Xoài III các ngành nghề: Sản xuất nhôm gia dụng và cao cấp; Sản xuất hàng công nghệ phẩm, đồ chơi trẻ em; Sản xuất đồ nhựa, chế biến nhựa (sử dụng nguyên liệu sạch); Sản xuất hàng tiêu dùng, dụng cụ gia đình và thiết bị văn phòng; Mây, tre, đồ gỗ mỹ nghệ; Các ngành công nghiệp sành, sứ, thuỷ tinh; Sản xuất đồ kim hoàn, giả kim hoàn (không có công đoạn xi mạ trong quy trình sản xuất); Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; Sản xuất dầu thực vật; Xay xát và sản xuất bột thô; Sản xuất nước đá; Sản xuất thú nhồi bông, sản xuất các loại dây bện và lưới (không có công đoạn nhuộm trong quy trình sản xuất); Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác: mica, nguyên liệu cách âm, cách nhiệt; Sản xuất các thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển, đồng hồ; Sản xuất motor, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất giường, tủ, bàn ghế; Sản xuất nhạc cụ; Sản xuất khác: thiết bị bảo vệ an toàn như quần áo chống cháy, dây bảo hiểm, phao cứu sinh, mũ nhựa cứng; Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn; Các ngành công nghiệp sạch.

2. Không tiếp nhận vào Khu công nghiệp Đồng Xoài III đối với nhóm ngành nghề công nghệ xi mạ phụ trợ, công nghệ nhuộm phụ trợ dùng trong trường hợp hoàn thiện sản phẩm; ngành sản xuất gạch, ngói nung; ngành công nghiệp chế biến cao su (không chế biến mủ cao su tươi).

3. Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước phải yêu cầu các doanh nghiệp thứ cấp hoạt động các ngành nghề nêu trên lập hồ sơ môi trường phù hợp theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ trước khi tiếp nhận vào Khu công nghiệp Đồng Xoài III.

4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban quản lý Khu kinh tế, Sở Xây dựng hướng dẫn Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như trên;
- LĐVP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT (D.Thắng TNMT CV 26).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Minh

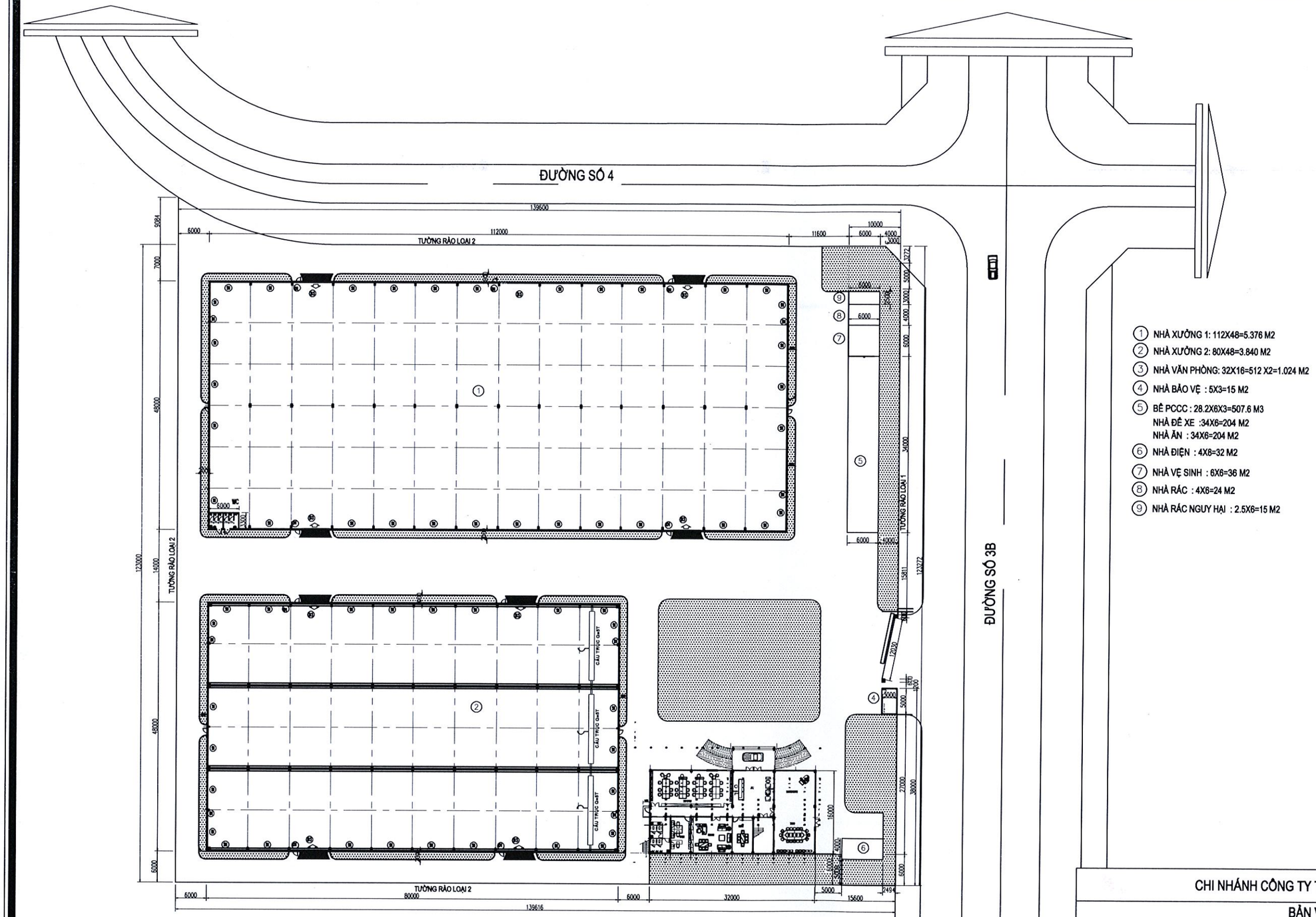

MẶT BẰNG TỔNG THỂ TL:1/100

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV CN-TM-XD ĐẠI ĐÌNH PHÁT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
	LI ZHIFANG	

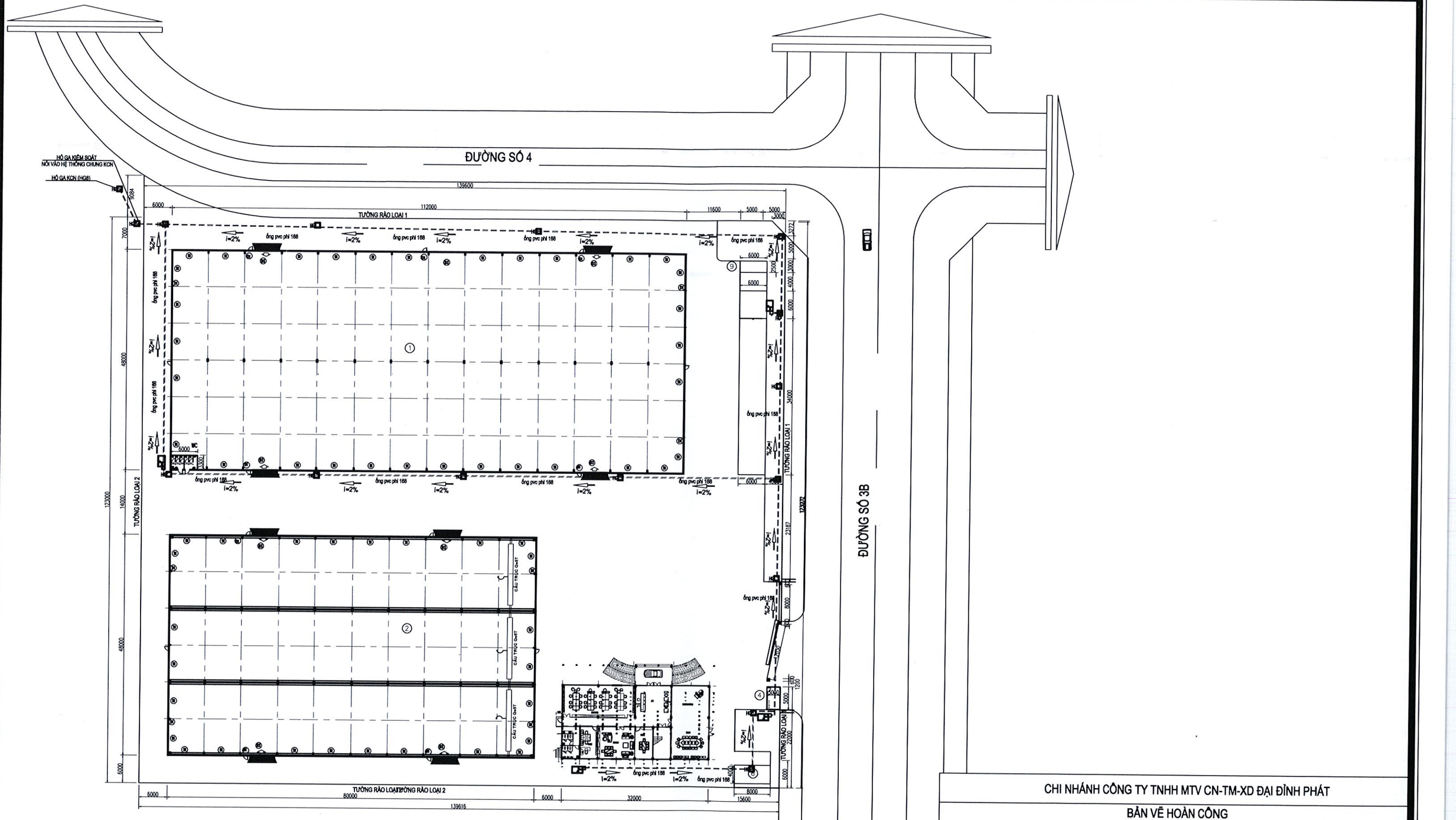

BẢN VẼ XIN ĐẤU NỐI NƯỚC THẢI TL:1/100

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV CN-TM-XD ĐẠI ĐÌNH PHÁT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG ĐẠI ĐÌNH PHÁT	

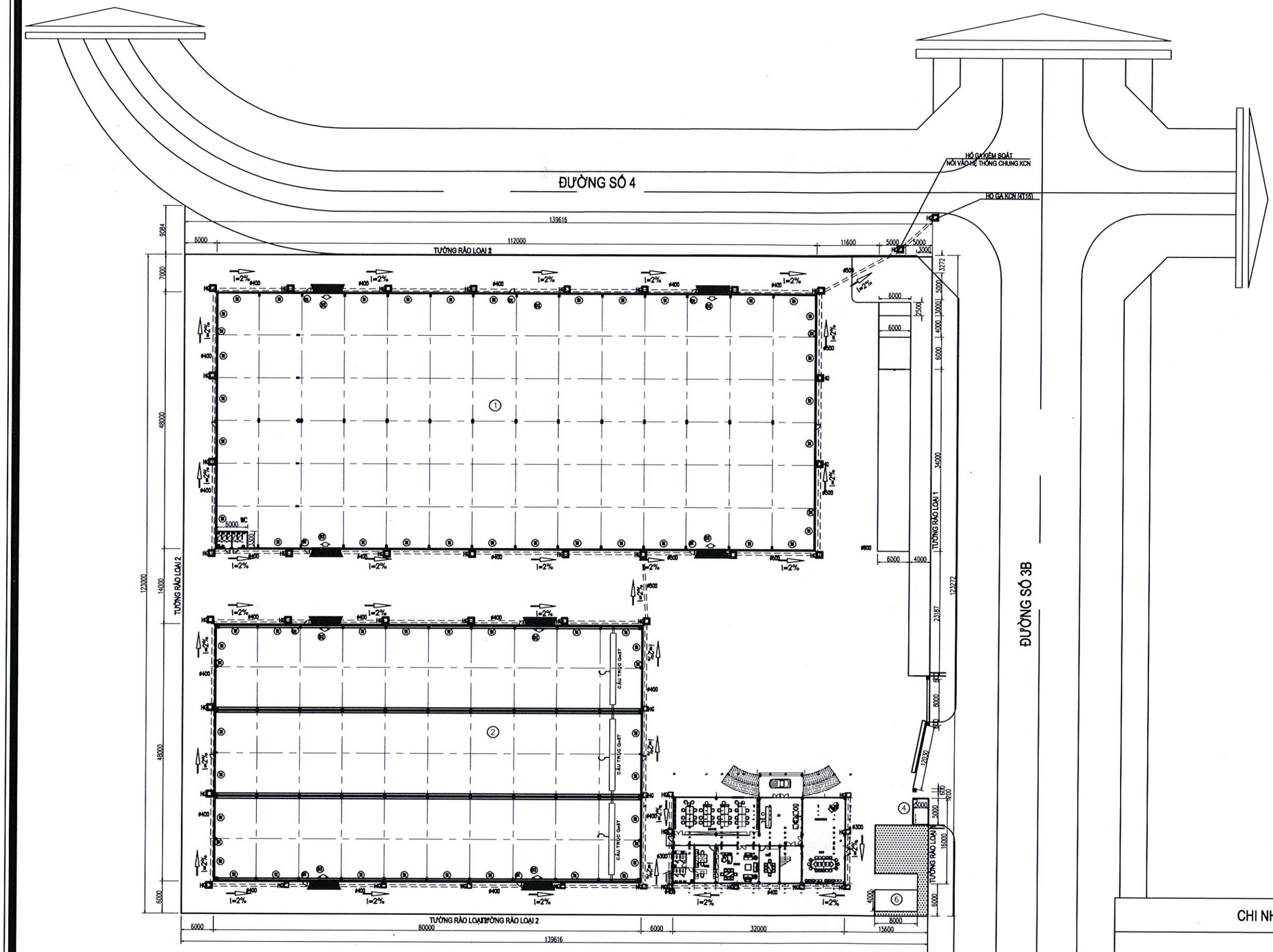

BẢN VẼ XIN ĐẤU NỐI NƯỚC MƯA TL:1/100

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV CN-TM-XD ĐẠI ĐÌNH PHÁT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG ĐẠI ĐÌNH PHÁT	

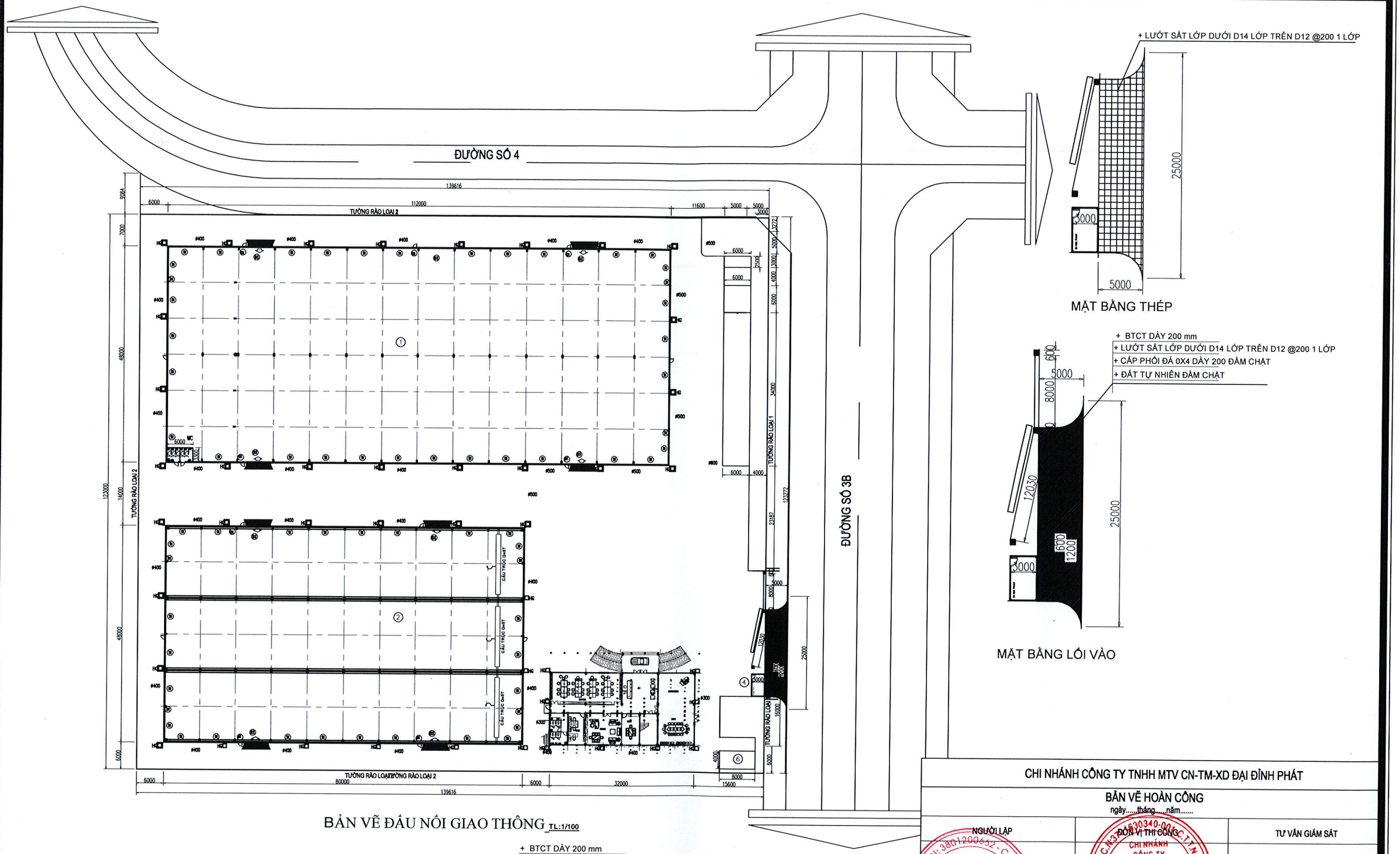

BẢN VẼ ĐẤU NỐI GIAO THÔNG TL:1/100

MẶT BẰNG THÉP

MẶT BẰNG LỐI VÀO

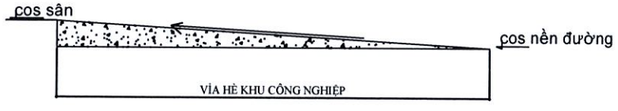

MẶT ĐỨNG RAM DỐC

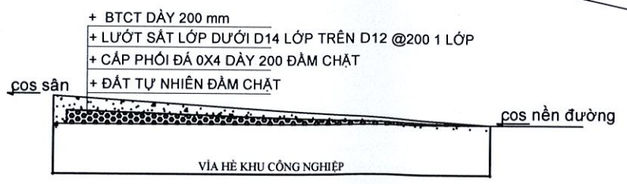

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV CN-TM-XD ĐẠI ĐÌNH PHÁT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
M.S.D.N: 3801200642 - C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH ĐỒ GIA DỤNG VĨNH THÁI VIỆT NAM LI ZHIFANG	M.S.C.N: 3703340-001 - C.T.T.N.H.H CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG ĐẠI ĐÌNH PHÁT THẠCH THÀNH - T. BÌNH PHƯỚC	

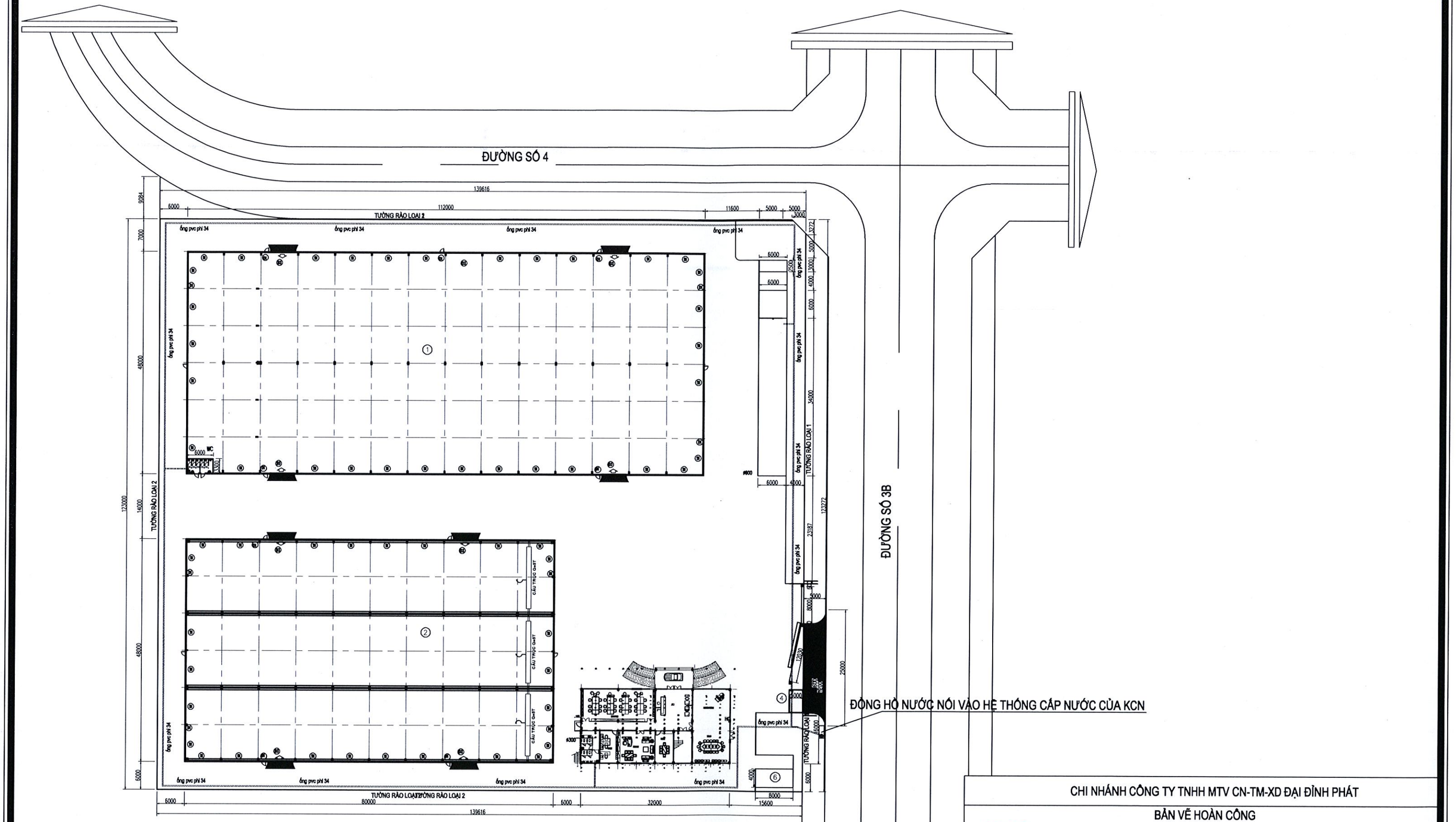

BẢN VẼ ĐẤU NỐI HỆ THỐNG CẤP NƯỚC TL:1/100

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV CN-TM-XD ĐẠI ĐỈNH PHÁT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
LI ZHIFANG	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG ĐẠI ĐỈNH PHÁT	

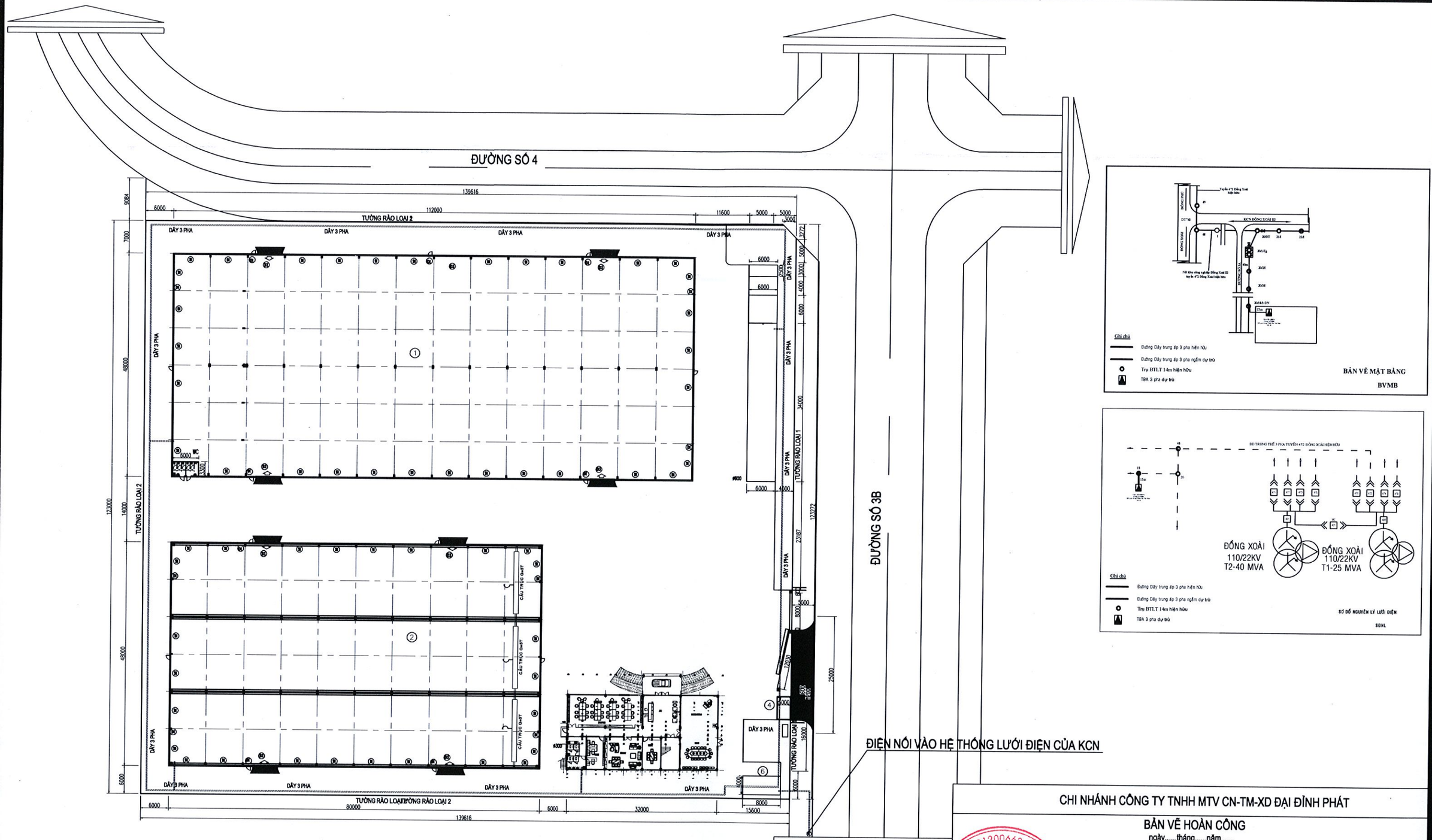

BẢN VẼ ĐẤU NỐI HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN TL:1/100

BẢN VẼ MẶT BẰNG
BVMB

SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ LƯỚI ĐIỆN
SĐNL

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV CN-TM-XD ĐẠI ĐÌNH PHÁT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
LI ZHIFANG	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG ĐẠI ĐÌNH PHÁT	

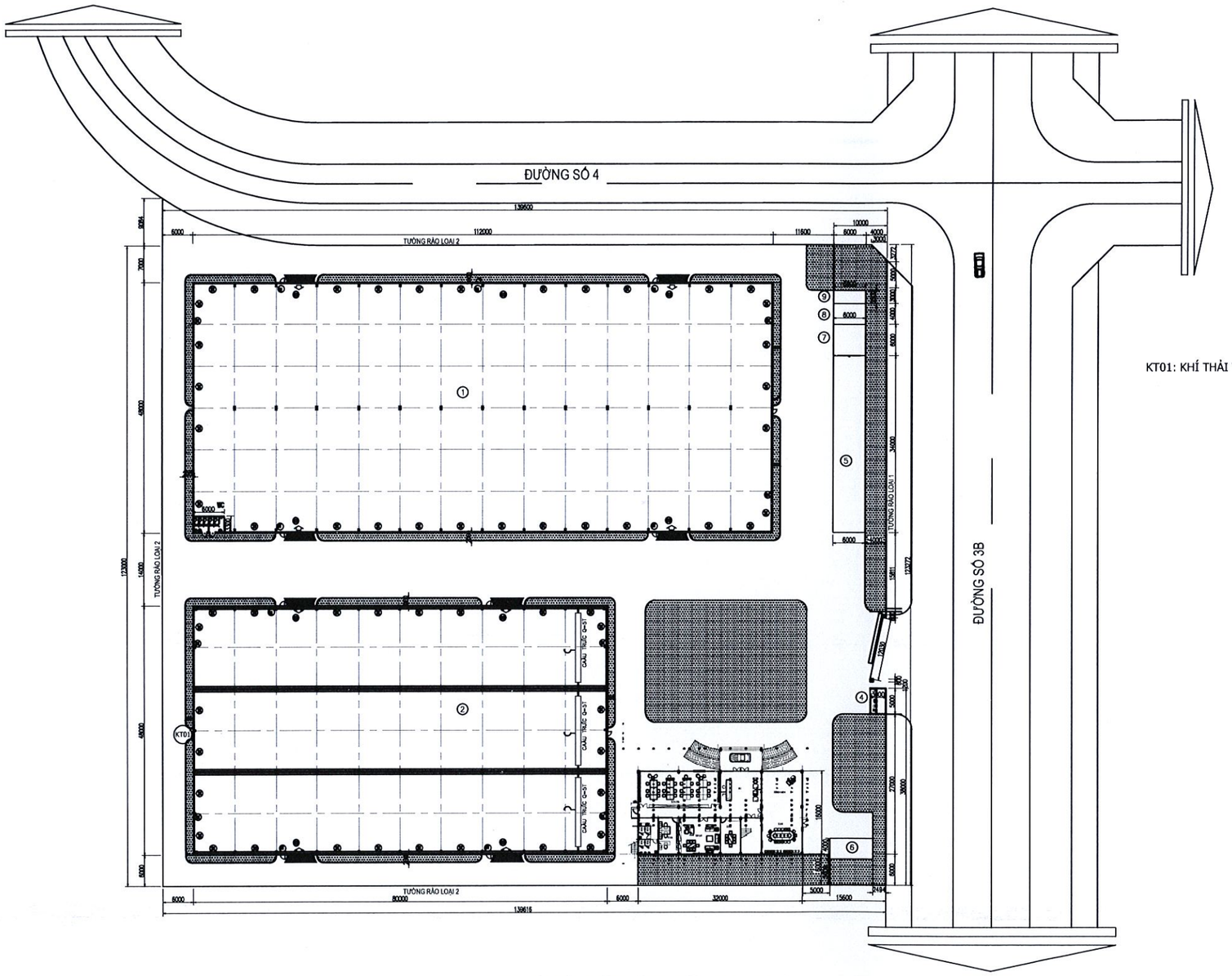

VỊ TRÍ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

GHI CHÚ

KT01: KHÍ THẢI TẠI ỐNG THOÁT HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI NHỰA

GHI CHÚ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

- ☐ BÁO GIÁ
- ☐ THI CÔNG
- ☑ TRÌNH DUYỆT
- ☐ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH ĐỒ GIA DỤNG VĨNH THÁI VIỆT NAM

ĐC: LÔ 18 - 19, CỤM A4, KCN ĐỒNG XOÀI III, XÃ TIẾN HƯNG, TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

CÔNG TY TNHH ĐỒ GIA DỤNG VĨNH THÁI VIỆT NAM — M.S.D.N: 3801200662 - C.T.N.H.H — P. ĐỒNG XOÀI - T. BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC

李志芳 LI ZHIFANG

CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒ NHỰA GIA DỤNG

ĐỊA ĐIỂM

ĐC: LÔ 18 - 19, CỤM A4, KCN ĐỒNG XOÀI III, XÃ TIẾN HƯNG, TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ

VỊ TRÍ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

BẢN VẼ SỐ		NGÀY HOÀN THÀNH	

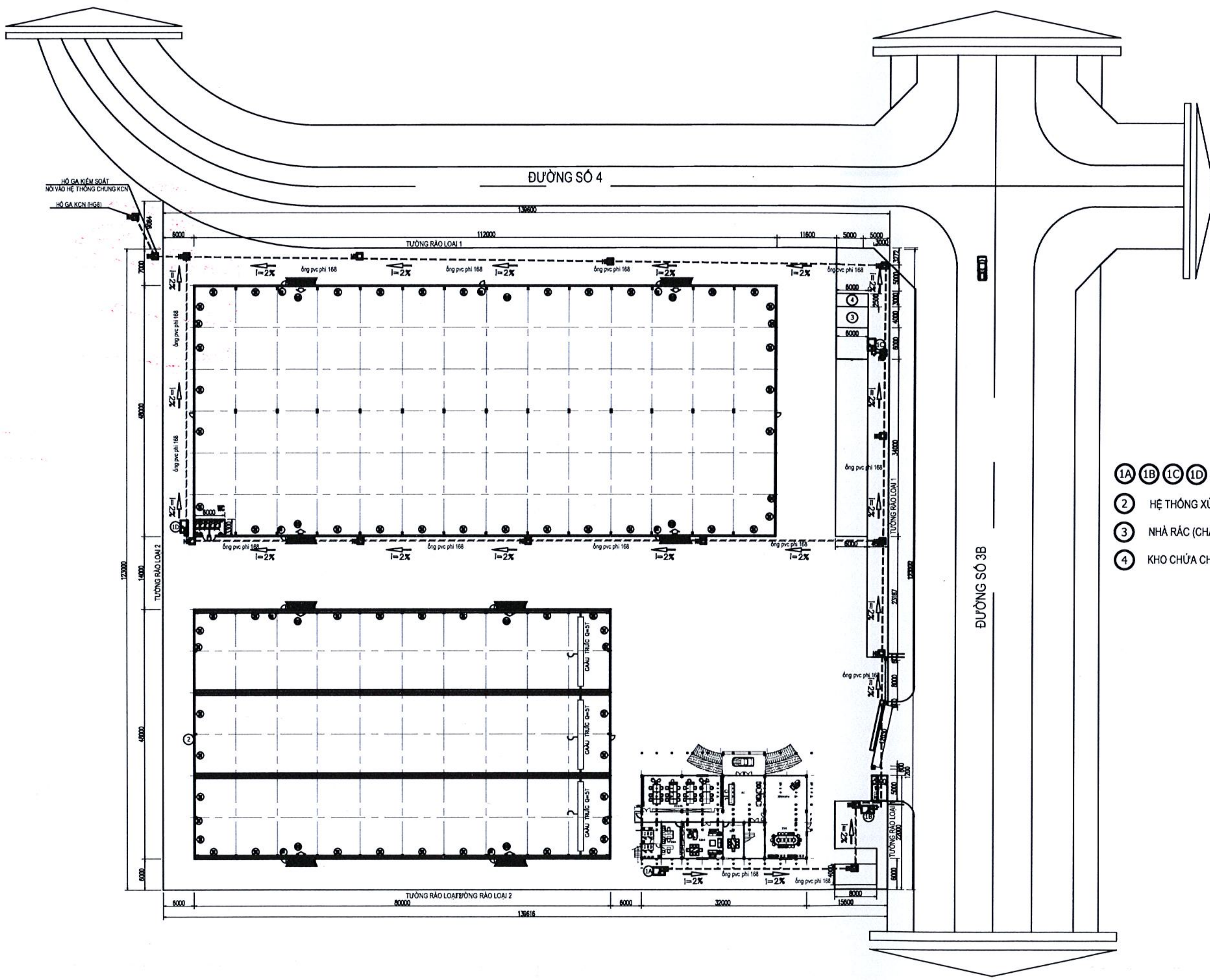

MẶT BẰNG VỊ TRÍ CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

GHI CHÚ

- (1A) (1B) (1C) (1D) BỂ TỰ HOẠI
- (2) HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI NHỰA
- (3) NHÀ RÁC (CHẤT THẢI SINH HOẠT, CTR CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG)
- (4) KHO CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI

GHI CHÚ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

- ☐ BÁO GIÁ
- ☐ THI CÔNG
- ☒ TRÌNH DUYỆT
- ☐ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH ĐỒ GIA DỤNG VĨNH THÁI VIỆT NAM

ĐC: LÔ 18 - 19, CỤM A4, KCN ĐỒNG XOÀI III, XÃ TIẾN HƯNG, TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC

李志芳

LI ZHIFANG

CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒ NHỰA GIA DỤNG

ĐỊA ĐIỂM

ĐC: LÔ 18 - 19, CỤM A4, KCN ĐỒNG XOÀI III, XÃ TIẾN HƯNG, TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ

VỊ TRÍ CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

BẢN VẼ SỐ		NGÀY HOÀN THÀNH	

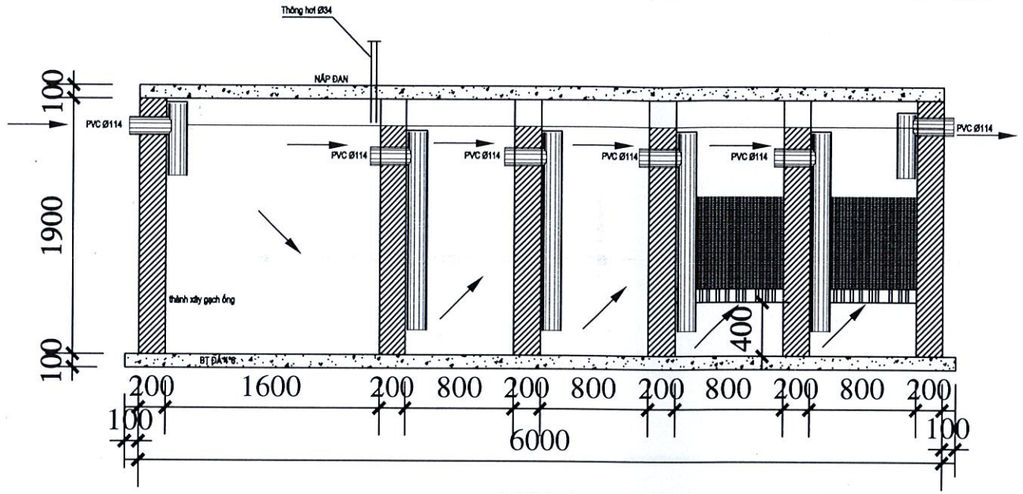

MC1-1

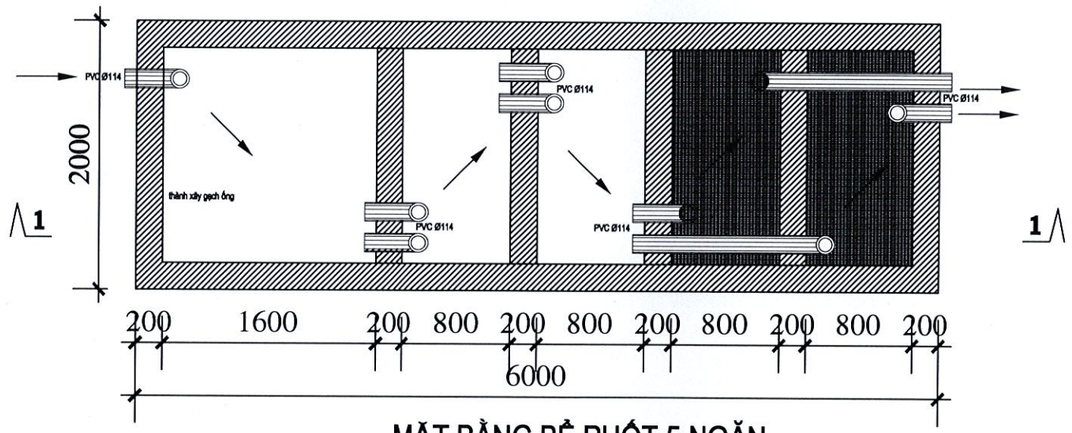

MẶT BẰNG BỂ PHỐT 5 NGĂN

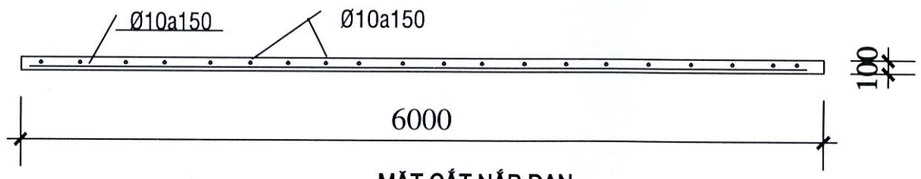

MẶT CẮT NẮP ĐAN

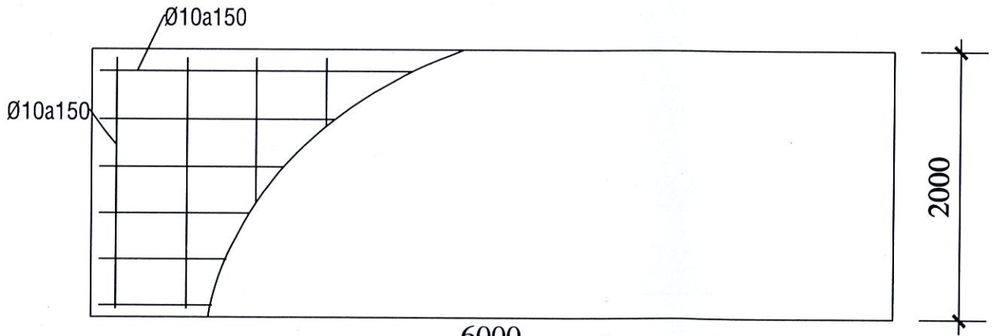

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV CN-TM-XD ĐẠI ĐỈNH PHÁT		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG ngày.....tháng.....năm.....		
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
CÔNG TY TNHH ĐỒ GIA DỤNG VĨNH THÁI VIỆT NAM LIZHIFANG	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG ĐẠI ĐỈNH PHÁT	

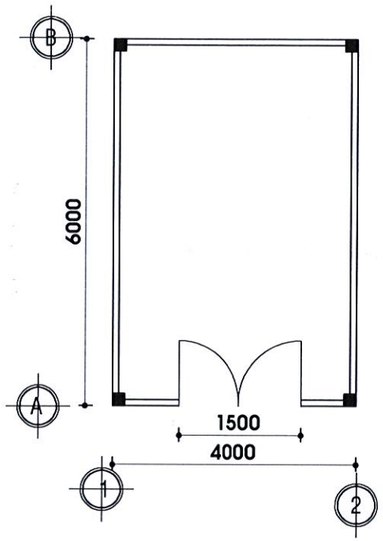

MẶT BẰNG NHÀ RÁC TL.1/100

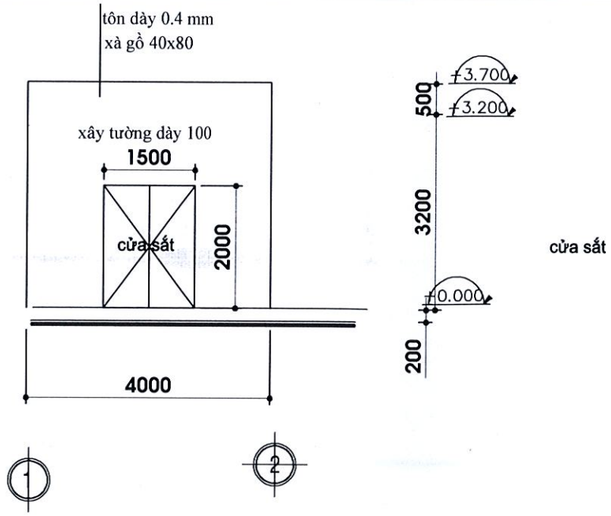

MẶT ĐỨNG TRỤC 2-1 TL:1/100

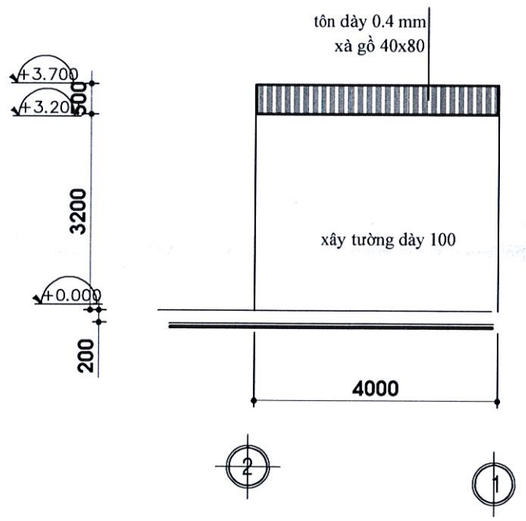

MẶT ĐỨNG TRỤC 2-1 TL:1/100

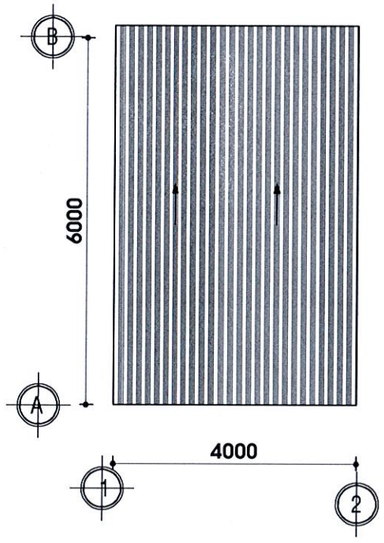

MẶT BẰNG MÁI NHÀ VỆ SINH TL.1/100

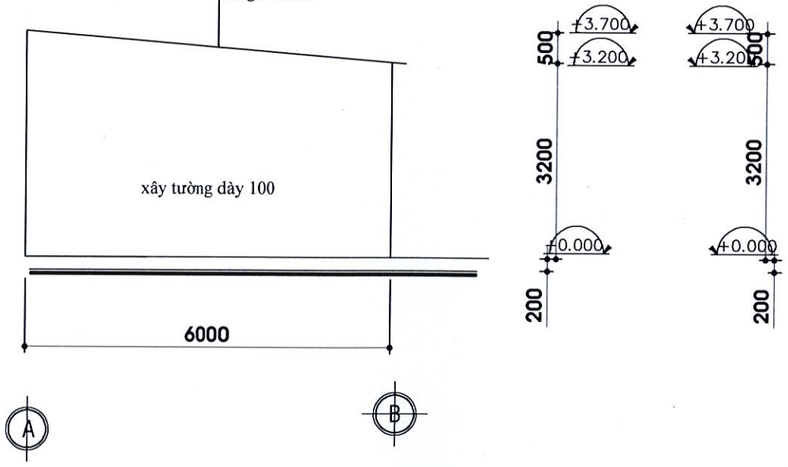

MẶT ĐỨNG TRỤC A-B TL:1/100

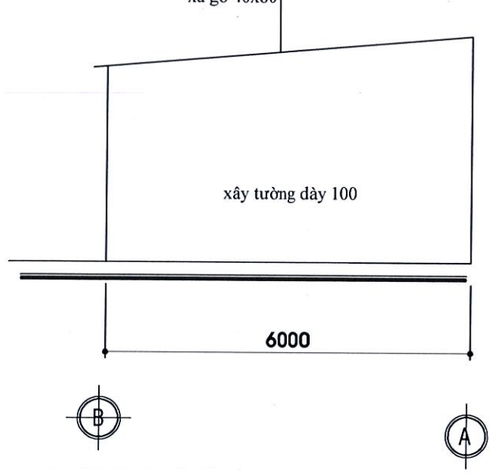

MẶT ĐỨNG TRỤC B-A TL:1/100

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV CN-TM-XD ĐẠI ĐÌNH PHÁT		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG ngày.....tháng.....năm.....		
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
CÔNG TY TNHH ĐỒ GIA DỤNG VĨNH THÀI VIỆT NAM LI ZHIFANG	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG ĐẠI ĐÌNH PHÁT	

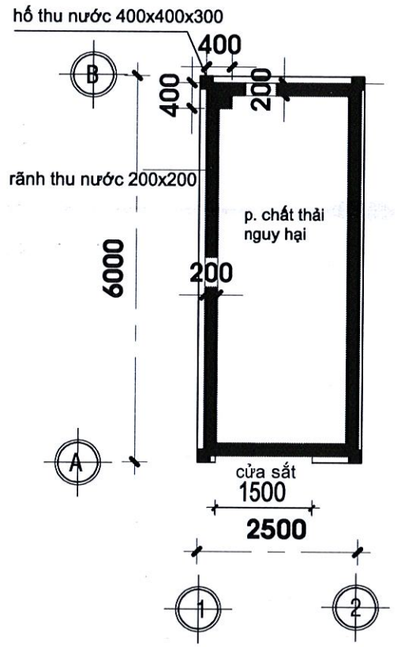

MẶT BẰNG NHÀ RÁC NGUY HẠI TL.1/100

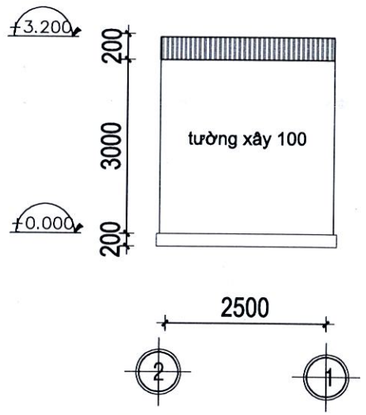

MẶT ĐỨNG TRỤC 2-1 TL:1/100

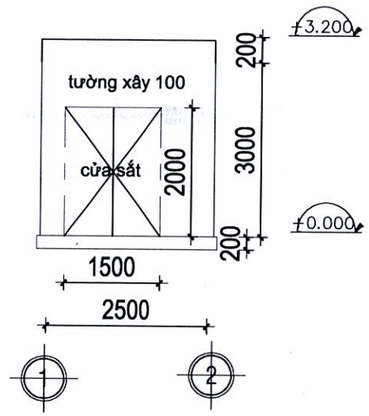

MẶT ĐỨNG TRỤC 1-2 TL:1/100

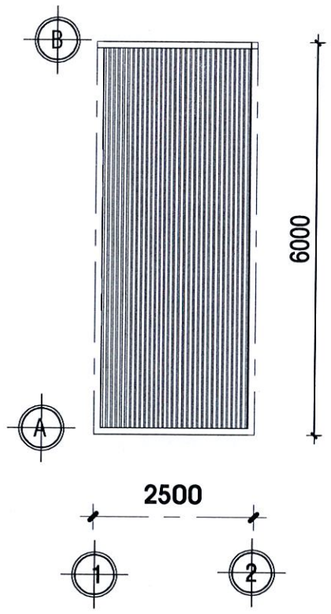

MẶT BẰNG MÁI NHÀ RÁC TL.1/100

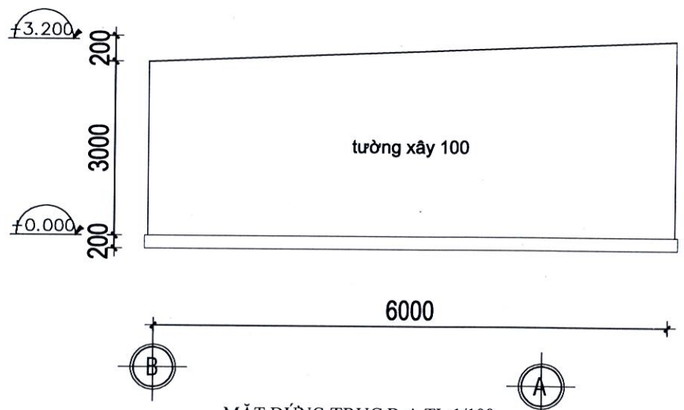

MẶT ĐỨNG TRỤC B-A TL:1/100

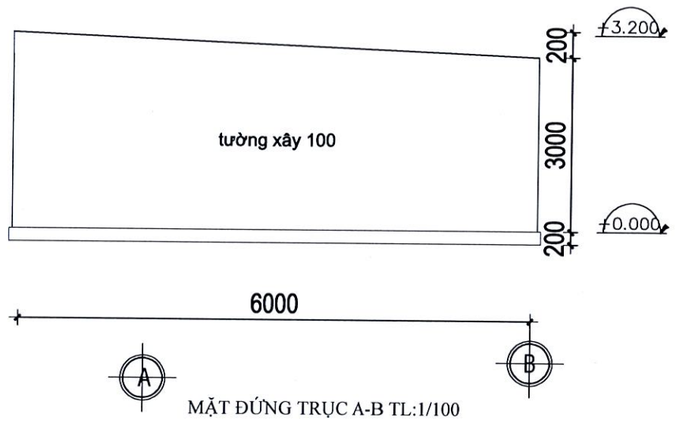

MẶT ĐỨNG TRỤC A-B TL:1/100

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV CN-TM-XD ĐẠI ĐỈNH PHÁT		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG ngày.....tháng.....năm.....		
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
CÔNG TY TNHH ĐỖ GIA DŨNG VĨNH PHÁT VIỆT NAM M.S.D.N: 3801200663 - C.T.T.N.H.H T.P.ĐỒNG XOÀI - T.BÌNH PHƯỚC	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG ĐẠI ĐỈNH PHÁT M.S.C.N: 3701630340-001-C.T.T.N.H.H T.X.CHƠN THÀNH-T.BÌNH PHƯỚC	

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI NHỰA

CÔNG SUẤT: 9000 M^3/GIỜ

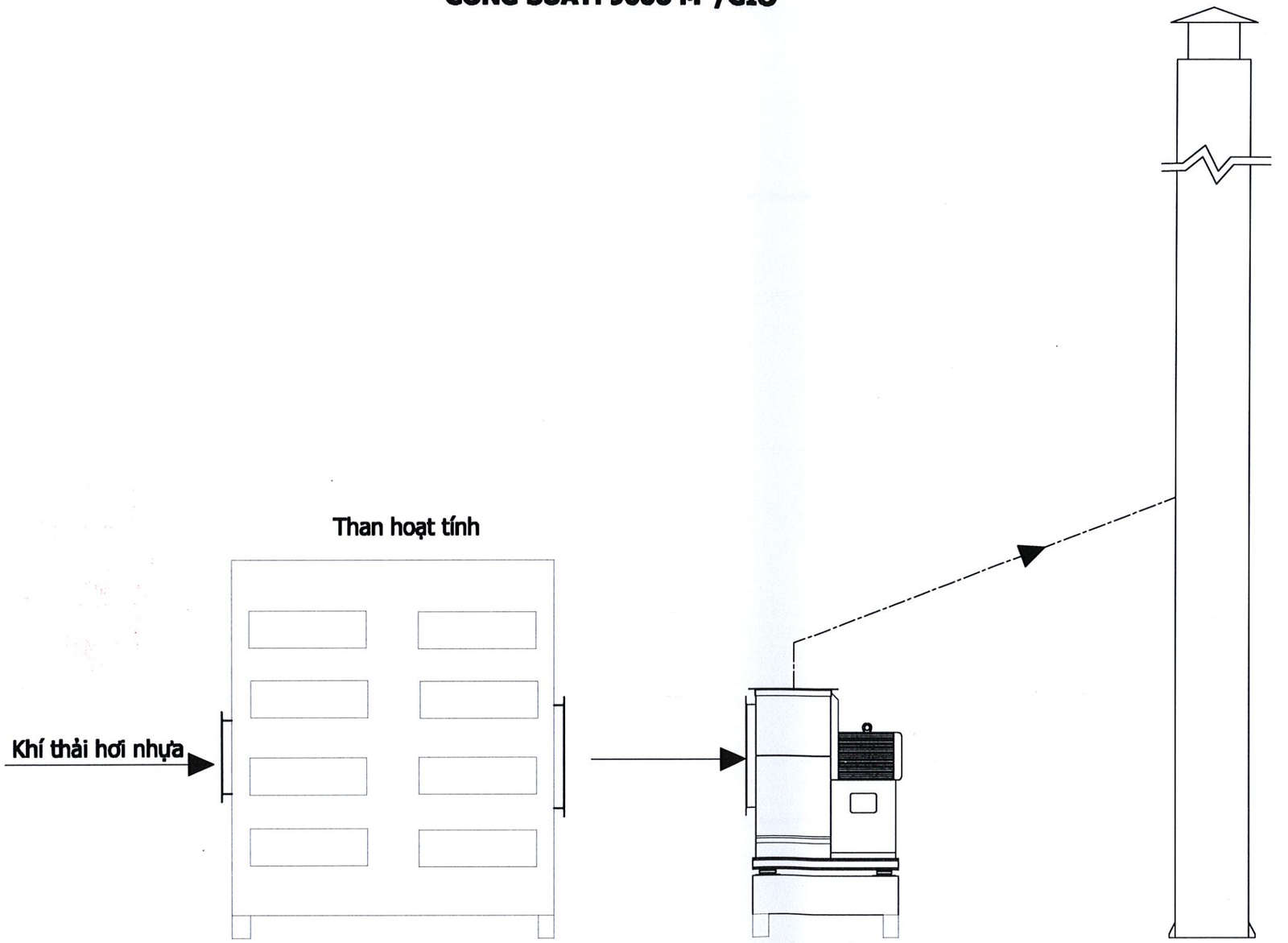

THÁP HẤP PHỤ
2.2*1.4*2.4m

QUẠT HÚT

ỐNG THOÁT

GHI CHÚ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

☐ BÁO GIÁ ☐ THI CÔNG

☐ TRÌNH DUYỆT ☒ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH ĐỒ GIA DỤNG VĨNH THÁI VIỆT NAM

ĐC: LÔ 18 - 19, CỤM A4, KCN ĐỒNG XOÀI III, XÃ TIẾN HƯNG, TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

LI ZHIFANG

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q. 12, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 37010199 Fax: 08. 37010198

TỔNG GIÁM ĐỐC	ThS. PHAN THANH QUÍ
THIẾT KẾ	ThS. PHẠM DUY TÂN
VẼ	KS. TẠ TIẾN LẬP
KIỂM TRA	ThS. PHẠM DUY TÂN

CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒ NHỰA GIA DỤNG

ĐỊA ĐIỂM

ĐC: LÔ 18 - 19, CỤM A4, KCN ĐỒNG XOÀI III, XÃ TIẾN HƯNG, TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI NHỰA

BẢN VẼ SỐ		NGÀY HOÀN THÀNH	11/2019

ỐNG THOÁT

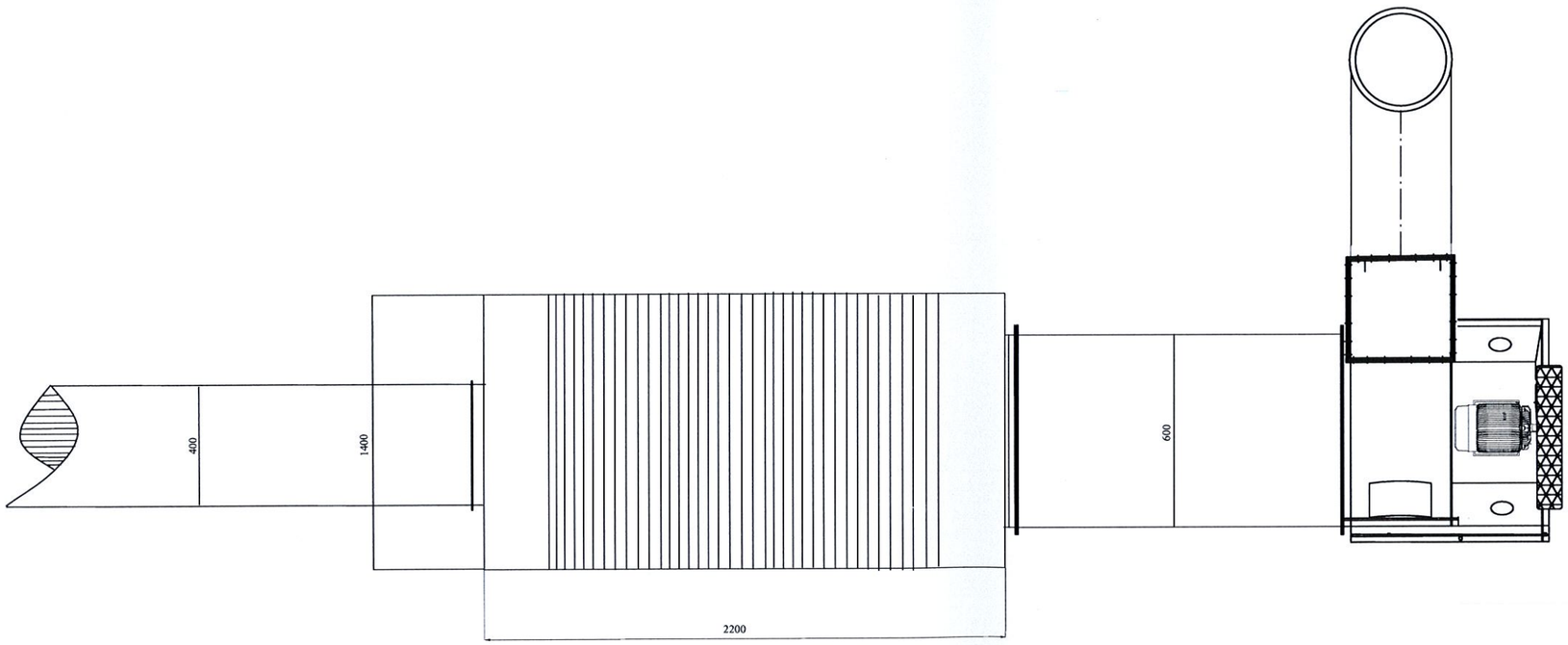

QUẠT HÚT

THÁP HẤP PHỤ

2.2*1.4*2.4m

GHI CHÚ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

☐ BÁO GIÁ ☐ THI CÔNG

☐ TRÌNH DUYỆT ☒ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH ĐỒ GIA DỤNG VĨNH THÁI VIỆT NAM

ĐC: LÔ 18 - 19, CỤM A4, KCN ĐỒNG XOÀI III, XÃ TIẾN HƯNG, TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC

LI ZHIFANG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q. 12, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 37010199 Fax: 08. 37010198

TỔNG GIÁM ĐỐC	ThS. PHAN THANH QUÍ
THIẾT KẾ	ThS. PHẠM DUY TÂN
VẼ	KS. TẠ TIẾN LẬP
KIỂM TRA	ThS. PHẠM DUY TÂN

CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒ NHỰA GIA DỤNG

ĐỊA ĐIỂM

ĐC: LÔ 18 - 19, CỤM A4, KCN ĐỒNG XOÀI III, XÃ TIẾN HƯNG, TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

BẢN VẼ SỐ		NGÀY HOÀN THÀNH	11/2019

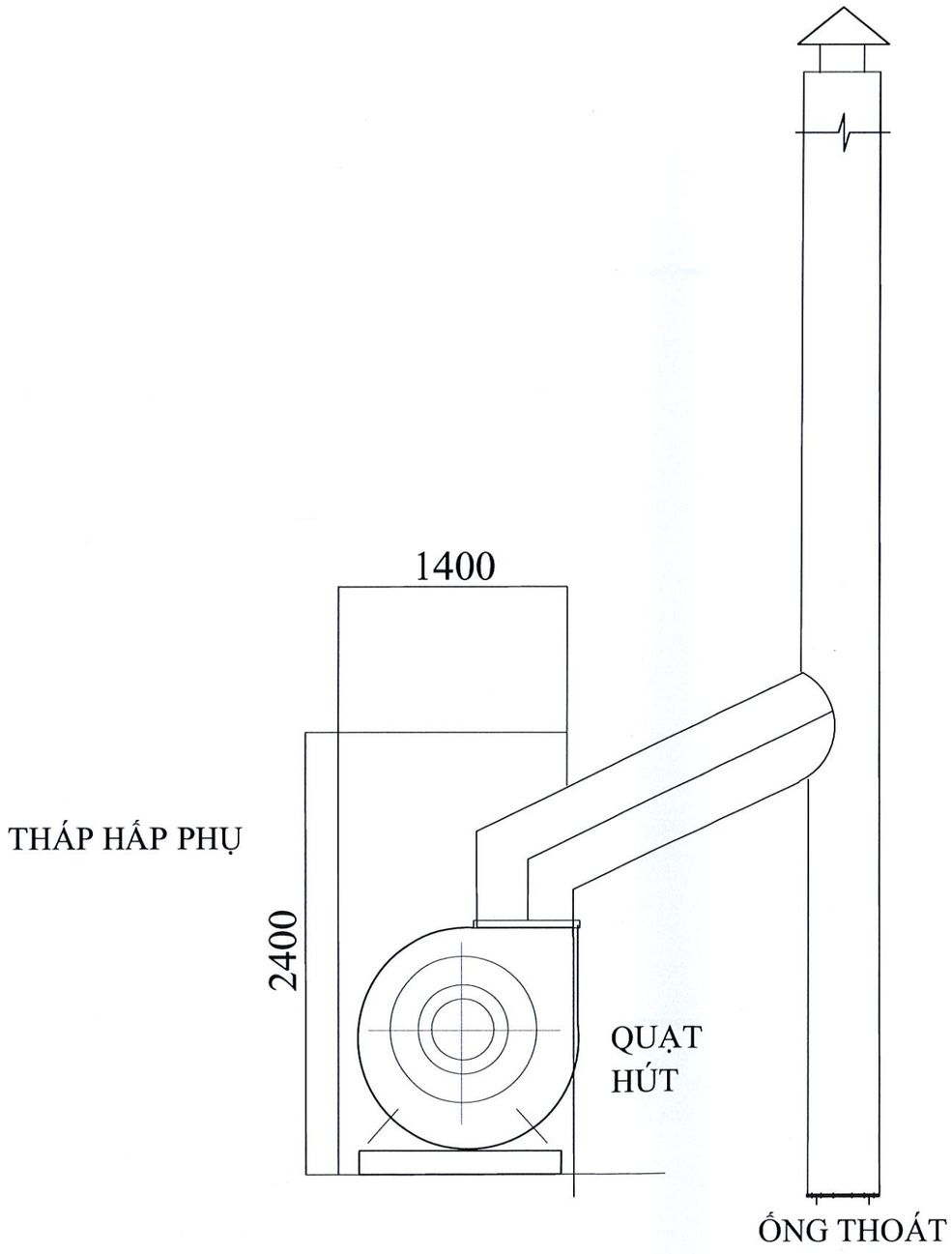

GHI CHÚ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

☐ BÁO GIÁ ☐ THI CÔNG

☐ TRÌNH DUYỆT ☒ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH ĐỒ GIA DỤNG VĨNH THÁI VIỆT NAM

ĐC: LÔ 18 - 19, CỤM A4, KCN ĐỒNG XOÀI III, XÃ TIẾN HƯNG, TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC

LI ZHIFANG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: K1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q. 12, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 37010199 Fax: 08. 37010198

TỔNG GIÁM ĐỐC ThS. PHAN THANH QUI	
THIẾT KẾ ThS. PHẠM DUY TÂN	
VẼ KS. TẠ TIẾN LẬP	
KIỂM TRA ThS. PHẠM DUY TÂN	

CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒ NHỰA GIA DỤNG

ĐỊA ĐIỂM

ĐC: LÔ 18 - 19, CỤM A4, KCN ĐỒNG XOÀI III, XÃ TIẾN HƯNG, TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT

BẢN VẼ SỐ		NGÀY HOÀN THÀNH	11/2019